

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp
chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 01 ra ngày 01/01/2024

Chúc mừng năm mới 2024

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG
Phòng Thông tin
Xuất nhập khẩu
655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội
Bộ phận biên tập:
Tel: (024) 22192875
Phụ trách nội dung
ĐT: 0986836889
Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:
Tel: (024) 37152586
(024) 37152585
(024) 37152584
Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN4 Năm 2023, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU giảm mạnh	5
Xuất khẩu dăm gỗ giảm trong năm 2023	11
Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....	12
Nhập khẩu gỗ dương giảm 15,3% về lượng	15
Tháng 11/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi tăng trở lại ..	17
Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....	21
Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....	24
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	26
Suy thoái ngành gỗ giảm bớt ở các nước sản xuất.....	26
Dự định tăng thuế nhập khẩu của Canada đối với đồ nội thất có thể khiến giá tăng mạnh	26
THAM KHẢO	27
Bộ Công Thương phê duyệt Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022.....	27

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Năm 2023 là một năm đầy khó khăn và thách thức của kinh tế thế giới, từ sự gián đoạn chuỗi cung ứng cho tới lạm phát tăng vọt khiến các ngân hàng trung ương phải tăng lãi suất lên các mức cao kỷ lục. Đặc biệt, sự phục hồi chậm hơn mong đợi của kinh tế Trung Quốc đã phần nào tác động đến khả năng phục hồi của kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, trong các tháng cuối năm 2023, các chỉ số cho thấy các nền kinh tế lớn đã có tín hiệu khả quan khi kinh tế Mỹ có thể “hạ cánh mềm” với lạm phát tụt gần mục tiêu của FED; mức giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp Trung Quốc chậm lại đáng kể.

Tại Mỹ: Các chỉ số kinh tế gần đây đang củng cố các quan điểm cho rằng Fed sẽ hạ lãi suất vào tháng 3/2024 và kinh tế Mỹ có thể “hạ cánh mềm”, tức kiềm chế được lạm phát mà không đẩy nền kinh tế vào suy thoái. Theo đó, chỉ số Chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) cho thấy lạm phát tiếp tục giảm dần và tiến gần đến mức mục tiêu 2% của Fed. Bên cạnh đó, số đơn đặt hàng mới với hàng hóa vốn cốt lõi đã ở mức cao hơn dự đoán, một chỉ báo tích cực cho các kế hoạch chi tiêu của doanh nghiệp. Theo đó, Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) trong tháng 11/2023 giảm 0,1% so với tháng trước đó, lần giảm đầu tiên kể từ tháng 4/2020, sau khi không thay đổi trong tháng 10. So với cùng kỳ năm ngoái, PCE tăng 2,6% trong tháng 11/2023, sau khi tăng 2,9% trong tháng 10/2023. Trong khi đó, chỉ tiêu tiêu dùng, chiếm hơn 66% hoạt động kinh tế của Mỹ, tăng 0,2% trong tháng 11/2023. Sau khi điều chỉnh theo lạm phát, chỉ tiêu tiêu dùng thực tế tăng 0,3% trong tháng 11/2023, cho thấy kinh tế Mỹ đang phần nào lấy lại đà tăng trưởng sau khi có dấu hiệu chững lại vào đầu quý IV/2023. Các đơn đặt hàng mới cho hàng hóa lâu bền được sản xuất tại Mỹ đã tăng 5,4% so với tháng trước vào tháng 11/2023. Đây là mức tăng lớn nhất trong số lượng đơn đặt hàng lâu bền kể từ tháng 7/2020. Nhìn chung, một loạt số liệu kinh tế lạc quan gần đây khiến các nhà kinh tế tăng ước tính tăng trưởng GDP trong quý IV/2023 của Mỹ lên 2,7%.

Tại Trung Quốc: Theo Cơ quan Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), lợi nhuận của công ty công nghiệp Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023 giảm 4,4% so với cùng kỳ năm trước xuống 6.982,28 tỷ NDT, chậm lại đáng kể so với mức giảm 7,8% trong giai đoạn trước, trong bối cảnh chính phủ nước này tiếp tục nỗ lực khắc phục tình trạng kinh tế phục hồi chậm chạp. Trong đó, tính riêng tháng 11/2023, lợi nhuận công nghiệp của các doanh nghiệp Trung Quốc tăng 29,5% so với cùng kỳ năm ngoái, tháng tăng trưởng thứ tư nhờ các biện pháp kích thích gần đây của chính phủ. Mức lợi nhuận tăng vọt trong tháng 11/2023 được thúc đẩy bởi sự gia tăng nhanh chóng về lợi nhuận công nghiệp và lợi tức đầu tư. Nhìn chung, sự gia tăng cả về sản lượng và lợi nhuận công nghiệp trong tháng 11/2023 phản ánh sự cải thiện liên tục của lĩnh vực sản xuất chế tạo nói chung. Có thể thấy, các chính sách vĩ mô nhằm cứu trợ các nhà sản xuất công nghiệp, nền tảng tăng trưởng thấp của năm ngoái và tính thời vụ cũng góp phần vào xu hướng tăng trưởng lợi nhuận công nghiệp của Trung Quốc trong thời gian qua. Tuy nhiên, sự phục hồi kinh tế Trung Quốc vẫn chưa ổn định trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản tiếp tục suy yếu, áp lực giảm phát gia tăng và nhu cầu toàn cầu thấp.

Mặc dù các nền kinh tế lớn có dấu hiệu cải thiện, nhưng nhìn chung các nhà kinh tế dự báo kinh tế thế giới sẽ tiếp tục phục hồi chậm trong năm 2024, nhưng những khó khăn nhất đã qua và các trở lực dự kiến sẽ giảm. Công ty S&P Global Market

Intelligence dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 sẽ ở mức 2,3%, thấp hơn mức ước tính 2,7% của năm 2023. Trong khi Công ty Fitch Ratings cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 chỉ ở mức 2,1%, giảm so với ước tính 2,9% của năm 2023.

2. Kinh tế Việt Nam

Không nằm ngoài xu thế chung của thế giới, năm 2023 là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu và rộng với kinh tế thế giới. Kinh tế thế giới phục hồi chậm khiến hoạt động ngoại thương của Việt Nam bị tác động đáng kể khi tổng cầu tiêu dùng thế giới sụt giảm, lạm phát cao ở các nước phát triển, nhất là ở các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ, EU..., việc duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và hàng tồn kho ở mức cao khiến hoạt động xuất khẩu giảm. Ngoài ra, cuộc xung đột Israel – Hamas nổ ra và tình trạng bất ổn ở khu vực Biển Đỏ có khả năng làm gia tăng nguy cơ bị gián đoạn nguồn cung, ảnh hưởng tiêu cực lên hoạt động thương mại hàng hóa trong thời gian tới. Trong khi đó, không chỉ nhu cầu giảm mà nhiều nước nhập khẩu đặt ra các yêu cầu cao về phát triển bền vững, sản xuất thân thiện với môi trường nên sản phẩm hàng hóa của Việt Nam ngày càng phải cạnh tranh gay gắt hơn với các sản phẩm cùng loại của các đối thủ cạnh tranh. Do đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2023 ước tính đạt 681 tỷ USD, giảm 6,9% so với năm 2022 và là mức giảm lần đầu tiên kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008-2009. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ước đạt 353,9 tỷ USD, giảm 4,8% so với năm 2022, nhưng vẫn tăng 5,3% so với năm 2021. Với kết quả này, xuất khẩu hàng hoá đã không đạt được mục tiêu tăng trưởng 6% đặt ra từ đầu năm nay. Trong khi nhập khẩu hàng hoá ước đạt 327 tỷ USD, giảm 9% so với năm 2022 và giảm 1,7% so với năm 2021. Mặc dù vậy, điểm sáng là cán cân thương mại của nước ta trong năm vừa qua tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng ước đạt 26,85 tỷ USD, tăng hơn 2,2 lần so với năm 2022, góp phần tích cực cho cán cân thanh toán, giúp nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế. Bên cạnh đó, điểm tích cực là liên tục trong khoảng 7 tháng cuối năm, xuất khẩu đã lấy lại đà tăng trưởng sau thời gian giảm sâu trước đó. Đặc biệt, từ tháng 7 đến hết năm, kim ngạch xuất khẩu cả nước luôn đạt con số hơn 30 tỷ USD/tháng, do đó tính đến hết năm 2023 đà giảm của xuất khẩu đã thu hẹp xuống còn 4,8% so với mức giảm 12% trong nửa đầu năm.

Năm 2023, thu hút đầu tư nước ngoài là một điểm sáng của nền kinh tế. Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/12/2023, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt gần 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trong tổng vốn đăng ký hơn 36,6 tỷ USD, vốn đăng ký mới đạt gần 20,19 tỷ USD, tăng 62,2% so với cùng kỳ năm 2022. Số dự án đăng ký mới đạt 3.188 dự án, tăng 56,6%. Như vậy, cả dự án mới và vốn đăng ký mới đều tăng mạnh. Ngoài vốn đăng ký mới, năm 2023 cũng ghi nhận 1.262 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 14% so với cùng kỳ năm 2022), với tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt hơn 7,88 tỷ USD (giảm 22,1% so với cùng kỳ năm 2022). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 23,5 tỷ USD, chiếm 64,2% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 39,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Với những điểm sáng trong các tháng cuối năm 2023, kỳ vọng kinh tế Việt Nam năm 2024 sẽ vượt qua được những khó khăn, phục hồi mạnh trở lại.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 12/2023 đạt 1,25 tỷ USD, tăng 2,4% so với tháng 11/2023, nhưng giảm 4,7% so với tháng 12/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 872 triệu USD, tăng 0,5% so với tháng 11/2023, nhưng giảm 0,2% so với tháng 12/2022. Trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 13,4 tỷ USD, giảm 16,5% so với năm 2022. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 9,1 tỷ USD, giảm 17,5% so với năm 2022.
- Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU trong tháng 12/2023 đạt 52 triệu USD, giảm 26,8% so với tháng 12/2022. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU ước đạt 447,2 triệu USD, giảm 31,8% so với năm 2022.
- Ước tính, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ trong tháng 12/2023 đạt 170 triệu USD, giảm 24,5% so với tháng 12/2022. Tính chung năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ ước đạt 2,2 tỷ USD, giảm 18,5% so với năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023 đạt 360,9 triệu USD, tăng 6,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 241,2 triệu USD, tăng 5,4% so với tuần trước.
- Ước tính, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tháng 12/2023 đạt 200 triệu USD, giảm 1,2% so với tháng 11/2023 và giảm 3,2% so với tháng 12/2022. Tính chung năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này đạt 2,186 tỷ USD, giảm 27,8% so với năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam tháng 12/2023 đạt 30,6 nghìn m³, trị giá 11,6 triệu USD, tăng 1,5% về lượng và tăng 1,2% về trị giá so với tháng 11/2023; so với tháng 12/2022 tăng 42,1% về lượng và tăng 45,5% về trị giá. Tính chung năm 2023, nhập khẩu gỗ dương đạt 324,4 nghìn m³, trị giá 131,9 triệu USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 26,2% về trị giá so với năm 2022.
- Theo thống kê, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi trong tháng 11/2023 đạt 64,69 nghìn m³, với trị giá 25,10 triệu USD, tăng 23,4% về lượng và tăng 30,3% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 51,9% về lượng và giảm 51,3% về trị giá so với tháng 11/2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi đạt 675,04 nghìn m³, với trị giá 264,35 triệu USD, giảm 43,4% về lượng và giảm 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Trong tuần từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 67,3 triệu USD, tăng 43,2% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 12/12/2023 đến 27/12/2023 đạt 35,56 triệu USD, tăng 0,3% so với kỳ trước (từ ngày 18/11/2023 đến 12/12/2023).

QUỐC TẾ:

- **Thế giới:** Chỉ số gỗ (GTI) của 6 quốc gia sản xuất đều ở dưới ngưỡng 50% trong tháng 11/2023, cho thấy sự sụt giảm của ngành, nhưng trị giá của tất cả các quốc gia này đều tăng so với tháng trước, cho thấy xu hướng giảm của ngành gỗ ở 6 quốc gia đã dịu đi.

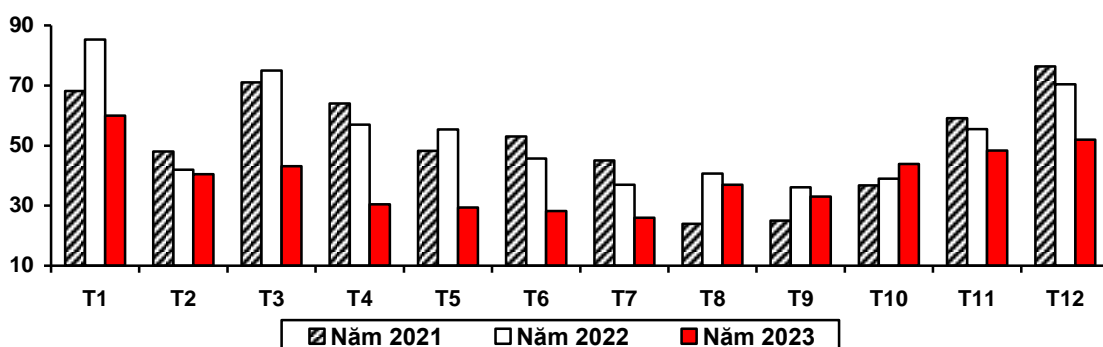
- **Canada:** Hiệp hội Công nghiệp Nội thất Canada dự định áp dụng đợt thuế nhập khẩu mới đối với đồ nội thất từ Trung Quốc và Việt Nam, các nhà sản xuất nội thất Canada bày tỏ lo ngại vì giá đồ nội thất có thể tăng mạnh trở lại.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Năm 2023, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU giảm mạnh

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU trong tháng 12/2023 đạt 52 triệu USD, giảm 26,8% so với tháng 12/2022. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU ước đạt 447,2 triệu USD, giảm 31,8% so với năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU năm 2021 - 2023
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan-số tháng 12/2023 là ước tính

Tình hình kinh tế EU vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực, do vậy nhu cầu đối với các mặt hàng không thiết yếu như gỗ và sản phẩm gỗ vẫn bị ảnh hưởng. Theo đó, hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU giảm mạnh trong năm 2023. Hầu hết các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường EU đều giảm đáng kể trong 11 tháng năm 2023. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ chiếm 77% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đạt 306,7 triệu USD, giảm 34,6% so với cùng kỳ năm 2022; Trong đó, các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu đều có kim ngạch giảm mạnh như đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 137,4 triệu USD, giảm 39,1%; ghế khung gỗ đạt 112,1 triệu USD, giảm 33%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 35,3 triệu USD, giảm 17,3%... Ngoài mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu trong 11 tháng năm 2023 còn một số mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ khác xuất khẩu tới thị trường EU như: Gỗ, ván và ván sàn, viên gỗ nén, đồ gỗ mỹ nghệ, cửa gỗ...

GDP của Eurozone đã trì trệ từ quý 4/2022 cho tới quý 3/2023, với mức tăng trưởng bằng 0 trong thời gian này. Tiêu dùng cá nhân và đầu tư đã giảm sút bởi quy mô tăng lãi suất chưa từng có của ECB suốt từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2023. Điều này khiến nhu cầu vay vốn của các công ty và hộ gia đình giảm sút và các điều kiện cho vay của ngân hàng bị thắt chặt mạnh mẽ. Kinh tế khó khăn khiến nhu cầu tiêu dùng thắt chặt là yếu tố chính khiến nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU giảm mạnh từ các thị trường. Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 5 triệu tấn, trị giá 16,6 tỷ Eur (tương đương 18,4 tỷ USD), giảm 8,5% về lượng và giảm 10,6% về trị giá

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, EU tăng tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường nội khối đạt 3,7 triệu tấn, trị giá 12,7 tỷ Eur (tương đương 14,1 tỷ USD), giảm 7,4% về lượng và giảm 5,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. EU giảm tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị ngoài khối. Trong đó, Trung Quốc là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho EU trong 9 tháng đầu năm 2023, đạt 593,9 nghìn tấn, trị giá 1,6 tỷ Eur (tương đương 1,77 tỷ USD), giảm 7,1% về lượng và giảm 28,4% về trị giá; tiếp theo là thị trường Thổ Nhĩ Kỳ đạt 124,3 nghìn tấn, trị giá 379,6 triệu Eur (tương đương 421,4 triệu USD), tăng nhẹ về lượng và tăng 5,6% về trị giá; Ucraina đạt 121,3 nghìn tấn, trị giá 209,6 triệu Eur (tương đương 232,7 triệu USD), tăng 10,7% về lượng và tăng 9,6% về trị giá; Việt Nam đạt 75,5 nghìn tấn, trị giá 319,7 triệu Eur (tương đương 223,4 triệu USD), tăng 34,1% về lượng và tăng 41,8% về trị giá...

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU cũng không mấy lạc quan trong năm 2024 khi nền kinh tế EU vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã giảm dự báo tăng trưởng kinh tế trong năm 2023 và 2024 do tác động của lãi suất cao đến nền kinh tế Eurozone. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Eurozone dự báo đạt 0,8% trong năm 2024, thấp hơn so với mức 1% dự báo trước đó. Bên cạnh đó, việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường có yêu cầu cao như thị trường EU cũng đặt ra rất nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Trong khi đó, đa số các doanh nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam có quy mô nhỏ, chưa đủ năng lực để xây dựng thương hiệu, kênh phân phối sản phẩm gỗ và lâm sản trực tiếp tại thị trường EU mà phải thông qua kênh phân phối của các doanh nghiệp nước ngoài, điều này cản trở việc chủ động, tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng tại thị trường EU. Cùng với đó, các doanh nghiệp cũng gặp khó khi EU bổ sung thêm một số quy định mới về cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU tác động đến doanh nghiệp Việt Nam trong đó có ngành gỗ và Luật Chống phá rừng của Liên minh Châu Âu.

EU sẽ chính thức áp dụng Quy định chống mất rừng (EUDR) vào tháng 12/2024, đây sẽ là vấn đề tác động rất lớn đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong thời gian tới. Trước khi (EUDR) chính thức có hiệu lực, Ủy ban châu Âu (EC) sẽ tiến hành đánh giá, xếp loại các quốc gia xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào EU. Đạo luật mới với những quy định mới của EU khiến doanh nghiệp ngành lâm nghiệp đã và đang gặp phải những khó khăn trong việc minh bạch hoá quá trình sản xuất lâm nghiệp. Để thích ứng với đạo luật này rõ ràng đòi hỏi phải có nỗ lực rất lớn đối với ngành lâm nghiệp, vì vậy cần phải quan tâm tới cơ sở dữ liệu để xác định chỉ số địa lý. Khi ứng dụng chuyển đổi số hay còn gọi là công nghệ thông tin vào trong quản trị rừng, ngoài việc cung cấp thông tin chi tiết và chính xác vị trí của từng khoảnh rừng lô đất của khu vực sẽ góp phần quản trị rừng tốt hơn và minh bạch hoá trong quá trình sản xuất lâm nghiệp nói chung.

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn về nhu cầu và các quy định mới của thị trường, nhưng EU vẫn là một trong những thị trường xuất khẩu chính, quan trọng đối với sản phẩm gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam và còn nhiều dư địa để phát triển.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 11 và 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	So với tháng 11/2022 (%)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2022
Tổng	48.348	-13,5	395.731	-32,4	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	So với tháng 11/2022 (%)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2022
Đồ nội thất bằng gỗ	41.543	-13,0	306.683	-34,6	77,5	80,1
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	20.437	-8,1	137.423	-39,1	34,7	38,5
Ghế khung gỗ	15.078	-21,6	112.080	-33,0	28,3	28,6
Đồ nội thất phòng ngủ	4.472	39,9	35.287	-17,3	8,9	7,3
Đồ nội thất nhà bếp	1.282	-51,0	14.842	-25,3	3,8	3,4
Đồ nội thất văn phòng	274	-41,5	7.051	-47,5	1,8	2,3
Gỗ, ván và ván sàn	4.070	6,4	42.426	-43,7	10,7	12,9
Viên gỗ nén	0	-100,0	17.881	168,7	4,5	1,1
Đồ gỗ mỹ nghệ	503	-52,4	8.107	-24,0	2,0	1,8
Cửa gỗ	101	281,8	646	5,7	0,2	0,1
Khung gương	51	672,2	206	-18,6	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2023, nguy cơ suy thoái kinh tế, lạm phát và lãi suất vẫn duy trì ở mức cao khiến nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu hàng hóa tại EU sụt giảm, đặc biệt là nhóm hàng hóa không thiết yếu như gỗ và sản phẩm gỗ, khiến hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới các thị trường trong khối EU đều có xu hướng giảm mạnh. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là thị trường Pháp đạt 90 triệu USD, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là thị trường Đức đạt 60,8 triệu USD, giảm 47,9%; Hà Lan đạt 58,7 triệu USD, giảm 18,8%; Bỉ đạt 39,4 triệu USD, giảm 41,1%; Tây Ban Nha đạt 31,9 triệu USD, giảm 9,8%...

Mặc dù xu hướng tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ có xu hướng giảm, nhưng Liên minh châu Âu (EU) có 27 quốc gia thành viên với dân số gần 500 triệu người, do đó nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ vẫn lớn nhất thế giới. Vì vậy, tiềm năng xuất khẩu ngành hàng này tới thị trường EU vẫn rất khả quan.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU trong tháng 11 và 11 tháng năm 2023

Thị trường	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	So với tháng 11/2022 (%)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2022
Tổng	48.348	-13,5	395.731	-32,4	100,0	100,0
Pháp	11.570	-5,3	90.012	-23,8	22,7	20,2
Đức	7.721	-42,3	60.828	-47,9	15,4	19,9
Hà Lan	4.911	-15,7	58.697	-18,8	14,8	12,4
Bỉ	5.198	88,7	39.413	-41,1	10,0	11,4
Tây Ban Nha	3.208	-14,8	31.885	-9,8	8,1	6,0
Đan Mạch	3.704	3,9	24.822	-41,1	6,3	7,2
Ái Len	1.813	48,3	19.175	-11,3	4,8	3,7
Italia	2.997	-2,2	17.259	-35,5	4,4	4,6
Thụy Điển	2.148	-27,2	17.014	-42,0	4,3	5,0
Ba Lan	1.752	-44,9	13.968	-49,1	3,5	4,7

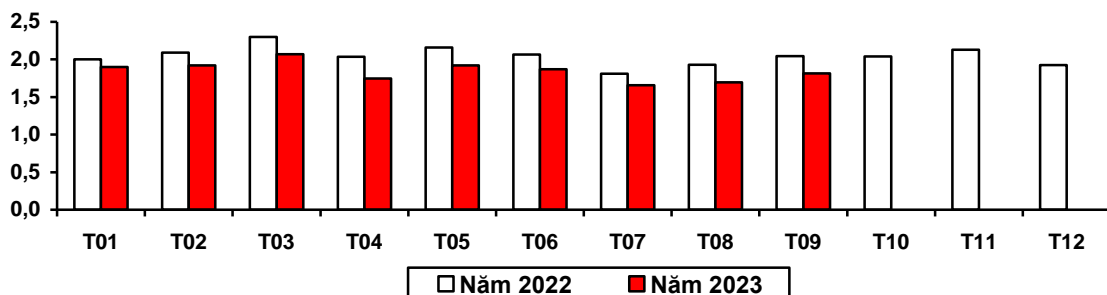
Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	So với tháng 11/2022 (%)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2022
Rumani	898	-24,9	6.333	-11,9	1,6	1,2
Bồ Đào Nha	230	-48,6	3.289	-36,5	0,8	0,9
Hy Lạp	291	68,2	2.622	-6,4	0,7	0,5
Croatia	342	6,4	1.397	-17,4	0,4	0,3
Phần Lan	439	154,5	1.302	-8,0	0,3	0,2
Cộng Hoà Séc	159	-68,9	1.193	-27,5	0,3	0,3
Litva	163	11,5	1.131	12,0	0,3	0,2
Bungari	55	-52,1	962	-57,6	0,2	0,4
Látvia	166		920	132,4	0,2	0,1
Slovenia	72	-72,9	820	-56,3	0,2	0,3
Síp	66	-17,5	775	120,2	0,2	0,1
Áo	220	-15,9	760	-14,4	0,2	0,2
Hungary	82	-64,3	570	-59,1	0,1	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Số liệu quốc tế

Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU từ các thị trường năm 2022 – 2023
(ĐVT: tỷ Eur)



Nguồn: Eurostat

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU nhập khẩu từ các thị trường 9 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng (mã HS)	9 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Eur)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Tổng	5.018.231	16.592.720	18.417.919	-8,5	-10,6	100,0	100,0
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	2.562.010	6.803.240	7.551.597	-8,8	-11,6	51,1	51,2
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	882.282	4.803.744	5.332.156	-12,0	-14,3	17,6	18,3
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	775.512	2.231.398	2.476.851	-6,2	-5,1	15,5	15,1
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	592.254	2.003.913	2.224.344	-6,0	-4,5	11,8	11,5
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	206.174	750.424	832.971	-4,0	-8,3	4,1	3,9

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,11 USD

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ ngoài khối cho EU trong 9 tháng năm 2023

Thị trường	9 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Eur)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Tổng	5.018.231	16.592.720	18.417.919	-8,5	-10,6	100,0	100,0
EU	3.734.303	12.732.077	14.132.605	-7,4	-5,7	74,4	73,5
Ba Lan	1.259.381	3.721.587	4.130.961	-9,2	-3,2	25,1	25,3
Đức	529.052	2.432.885	2.700.502	-3,8	-4,9	10,5	10,0
Litva	351.045	764.777	848.903	-15,8	-8,1	7,0	7,6
Italia	329.235	1.328.626	1.474.775	-1,4	-4,1	6,6	6,1
Rumani	179.557	615.928	683.680	-6,4	0,4	3,6	3,5
Thụy Điển	154.001	307.704	341.551	-2,7	-8,1	3,1	2,9
Đan Mạch	138.388	531.135	589.560	6,5	0,9	2,8	2,4
Tây Ban Nha	137.708	439.238	487.554	1,9	1,3	2,7	2,5
Hà Lan	116.252	434.268	482.037	-15,6	-9,3	2,3	2,5
Bỉ	103.720	374.210	415.373	13,4	-21,5	2,1	1,7
Slovakia	71.365	233.175	258.825	-20,3	-15,1	1,4	1,6
Bồ Đào Nha	64.227	236.233	262.218	-14,9	-4,0	1,3	1,4
Pháp	57.951	280.462	311.313	1,1	-15,2	1,2	1,0
Ao	54.636	233.990	259.729	7,4	-2,9	1,1	0,9
...							
Trung Quốc	593.866	1.590.406	1.765.351	-7,1	-28,4	11,8	11,7
Thổ Nhĩ Kỳ	124.329	379.619	421.377	0,0	5,6	2,5	2,3
Ukraina	121.319	209.625	232.684	10,7	9,6	2,4	2,0
Việt Nam	75.503	319.650	354.812	-34,1	-41,8	1,5	2,1
Bosnia và Herzegovina	57.081	201.272	223.412	-1,5	-3,3	1,1	1,1
Serbia	51.266	151.111	167.734	-0,6	10,3	1,0	0,9
Indonesia	49.931	253.422	281.298	-26,1	-36,1	1,0	1,2
Ấn Độ	48.701	160.912	178.612	-22,3	-34,5	1,0	1,1
Bêlarút	33.458	61.509	68.275	-47,4	-44,9	0,7	1,2
Malaysia	24.292	53.263	59.122	-27,5	-43,6	0,5	0,6
Braxin	20.166	50.417	55.963	-22,2	-17,6	0,4	0,5
Thụy Sĩ	11.357	75.408	83.703	-4,6	7,1	0,2	0,2
Moldova	9.128	22.724	25.223	2,1	3,8	0,2	0,2
Albania	7.280	17.920	19.892	2,9	6,0	0,1	0,1
Bắc Macedonia	6.105	16.955	18.820	9,5	8,2	0,1	0,1
Kosovo	2.886	8.717	9.676	24,6	15,6	0,1	0,0
Thái Lan	2.881	14.542	16.142	-8,0	-31,8	0,1	0,1
Na Uy	2.257	29.703	32.971	-30,9	-39,0	0,0	0,1
Mỹ	1.635	21.108	23.429	-23,3	-0,8	0,0	0,0
Ai Cập	1.546	4.479	4.972	8,4	28,0	0,0	0,0
Philippine	1.434	5.603	6.219	-28,7	-20,5	0,0	0,0
Đài Loan	1.386	6.725	7.465	-21,7	-27,5	0,0	0,0

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,11 USD

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch cao sang thị trường EU trong tháng 11 và 11 tháng năm 2023

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY TNHH NỘI THẤT MỀ KÔNG.	2.025	21.409
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN NAM ĐỊNH	2.252	19.602
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND	1.940	19.340
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	0	17.746
CTY TNHH SCANSIA PACIFIC	2.373	11.319
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CN CTY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	2.639	10.071
CTY TNHH THƯƠNG MẠI NHÂN HOÀNG	1.200	9.093
CTY TNHH SẢN XUẤT ĐỒ GỖ XUẤT KHẨU	693	7.232
CTY CỔ PHẦN ĐỒ GỖ NGHĨA SƠN	823	6.635
CTY TNHH HIỆP LONG	583	5.919
CTY TNHH TÂN HÒA 1	340	5.123
CTY TNHH PHÁT TRIỂN	469	4.821
CTY TNHH DEWBERRY (VIỆT NAM)	553	4.274
CTY TNHH GEUTHER VIỆT NAM	480	4.138
CTY TNHH MỘC PHƯỚC SANH	352	3.893
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÀNH LUÂN	517	3.738
CTY TNHH MEUBLES DEMEYERE VIỆT NAM	509	3.700
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂM PHÚ	1.056	3.649
CTY TNHH GOMO VIỆT NAM	250	3.639
CTY TNHH HỒ NAI	253	3.544
CTY TNHH SCANCOM VIỆT NAM	226	3.467
CTY TNHH GỖ KHANG MY	319	3.132
CTY TNHH STEELFLEX	184	3.082
CTY CỔ PHẦN TEKCOM	643	2.968
CTY TNHH KỸ NGHỆ ECO	326	2.791
CTY CỔ PHẦN NGHĨA HOÀNG PHÚC	406	2.709
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAWOOD	267	2.700
CTY TNHH TIẾN HƯNG	461	2.553
CTY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM	564	2.481
CTY CỔ PHẦN FORIMEX THỊNH HOÀNG	264	2.466
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH KHUẾ	137	2.451
CTY TNHH TRƯỜNG SƠN	416	2.447
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ MỘC CÁT TƯỜNG	184	2.411
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA	181	2.386
CTY TNHH GỖ NAM MỸ	144	2.367
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾN PHONG CAM LỘ	1.373	2.336
CTY TNHH ĐỒ GỖ ĐỨC THỊNH	519	2.229
CTY TNHH HOÀNG HƯNG	366	2.213
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	208	2.187

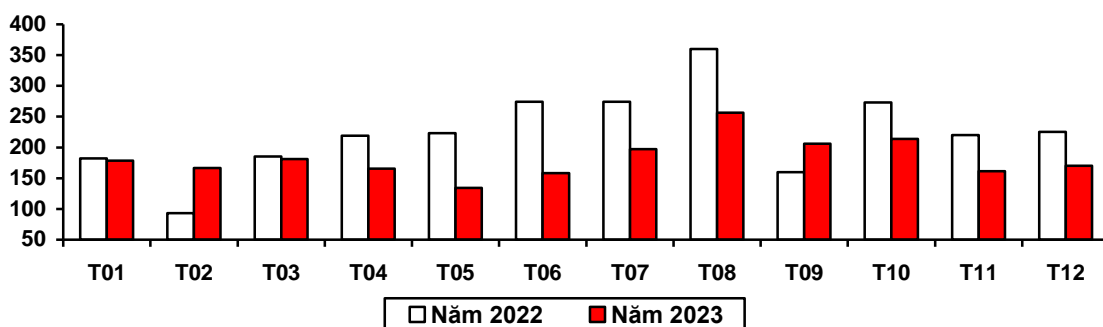
(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Xuất khẩu dăm gỗ giảm trong năm 2023

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ trong tháng 12/2023 đạt 170 triệu USD, giảm 24,5% so với tháng 12/2022. Tính chung năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ ước đạt 2,2 tỷ USD, giảm 18,5% so với năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ qua các tháng năm 2022 - 2023

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan - Số liệu tháng 12/2023 là ước tính

Xuất khẩu dăm gỗ chủ yếu tới thị trường Trung Quốc trong 11 tháng năm 2023, với kim ngạch đạt 1,3 tỷ USD, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 64,2% tổng kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ. Nguyên nhân do đồng Nhân dân tệ mất giá, điều này đồng nghĩa hàng hóa nhập khẩu để bán tại thị trường nội địa Trung Quốc sẽ phải giảm giá xuống.

Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 562 triệu USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2022; Hàn Quốc đạt 80,6 triệu USD, giảm 6,5%; Indonesia đạt 59,7 triệu USD, tăng 648,8%; thị trường Đài Loan đạt 10 triệu USD, giảm 41,5%... Hầu hết dăm gỗ xuất khẩu tới các thị trường đều có xu hướng giảm, do thị trường thế giới vẫn nhiều bất ổn. Dăm gỗ là nguyên liệu đầu vào cho ngành giấy, mặc dù ngành này vẫn sử dụng nhưng giá cả sẽ bị ảnh hưởng.

Cơ cấu thị trường không có nhiều sự thay đổi, thị trường giấy và bột giấy tại khu vực Đông Nam Á tập trung vào các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó, thị trường Trung Quốc chiếm 68 - 70%; thị trường Hàn Quốc chiếm khoảng 3-5%; còn lại là thị trường Nhật Bản. Đáng chú ý, Trung Quốc mới xây dựng thêm 2 nhà máy bột giấy (1 nhà máy tại Phúc Kiến, 1 nhà máy tại Quảng Tây) với công suất 2 triệu tấn/năm/1 nhà máy. Nhà máy tại Quảng Tây đã chạy hết công suất. Còn tại Phúc Kiến, nhà máy này chạy khoảng 800.000 tấn/năm. Dự kiến, sang năm, nhà máy này sẽ chạy hết công suất. Như vậy, nhu cầu bột giấy tại thị trường Trung Quốc sẽ phát triển thêm. Đây cũng là thị trường nhập khẩu dăm gỗ nhiều nhất. Phần lớn các nhà máy làm giấy, bột giấy đều tập trung về thị trường Trung Quốc.

Với lợi thế về vị trí địa lý nên vận chuyển gần, giá thành thấp hơn so với các nước khác nên Việt Nam hiện là thị trường cung cấp dăm gỗ lớn nhất cho thị trường Trung Quốc.

Dăm gỗ xuất khẩu tới các thị trường trong tháng 11 và 11 tháng năm 2023

Thị trường	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	So với tháng 11/2022 (%)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2022
Tổng	161.158	-26,8	2.018.574	-18,0	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 11/2023 (nghìn USD)	So với tháng 11/2022 (%)	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2022
Trung Quốc	111.925	-20,5	1.296.811	-23,8	64,2	69,1
Nhật Bản	41.364	-38,6	562.124	-11,4	27,8	25,8
Hàn Quốc	3.500	-61,9	80.616	-6,5	4,0	3,5
Indonesia	1.759		59.719	648,8	3,0	0,3
Đài Loan	2.603	48,2	10.015	-41,5	0,5	0,7
Lào	-		3.915	4,0	0,2	0,2
Australia	-		2.774		0,1	0,0
Andora	-	-100,0	1.673	-82,6	0,1	0,4
Ấn Độ	-		747	344,7	0,0	0,0
Papua New Guinea	8	-56,3	95	-4,7	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan - số tháng 12/2023 là ước tính

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023 đạt 360,9 triệu USD, tăng 6,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 241,2 triệu USD, tăng 5,4% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 162,1 triệu USD, tăng 8% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Hồng Kông đạt 14,3 triệu USD, tăng 0,2%; Nhật Bản đạt 9,4 triệu USD, tăng 5%; thị trường Đài Loan đạt 5,7 triệu USD, tăng 6,7%; Hàn Quốc đạt 5,1 triệu USD, tăng 2,5%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Ghế sofa LS80103S gỗ sồi có nệm bọc da bò. 2090*930*775mm	Cái	4	1.536,0	Cát Lái
	Tủ trang điểm(3067578-1960)(dùng trong phòng ngủ):gỗ cao su xẻ,Ván sợi(MDF)(1830*525*1266mm)	Cái	1	1.383,2	Cát Lái
	Bàn(3067657-1973) gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ,ván sợi(MDF)(2744*1067*762mm)	Cái	3	742,7	Cont Spitic
	Giường(3069001-1996-A2BTNT00)(dùng trong phòng ngủ)gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ,ván ép(2540*864*647mm)	Cái	1	905,7	Tân Cảng
Đảo British Virgin	Bàn gỗ thông 775mm x 1830 (2440)mm x 1120mm	Cái	15	222,5	Cái Mép
	Kệ sách gỗ thông 1950x 975 x 345mm, nhãn hiệu PGT-RECLAIMED	Cái	14	143,4	Cái Mép
	Tủ gỗ thông 1950mm x 1020mm x 575mm	Cái	8	289,5	Qt Sp-Ssa(Ssit)
Đan Mạch	ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater chaise 1408 163*256*86cm	Bộ	1	537,0	Cát Lái
	Kệ sách nhỏ (W560xD320x1800) gỗ sồi và gỗ thông	Cái	22	83,5	Cont Spitic
	Bàn gỗ sồi 00003-41(750x2200x950mm)	Cái	1	809,1	Qt sp-ssa(ssit)
	Tủ gỗ sồi 30954-001(450x1800x490mm)	Cái	1	640,3	Qt sp-ssa(ssit)
Đức	Giường WF307329AAA/ WF307330AAA, quy cách (2125*965*805)mm, gỗ thông, dùng trong phòng ngủ	Cái	83	93,0	Cát Lái
	Bàn ăn 100x240 gỗ sồi, chân sắt (Gỗ sồi) (D.100 x W.240 x H.76cm)	Cái	40	332,0	Cont Spitic
	Ghế băng gỗ trầm, chân sắt (D.43/52 x W.195 x H.44/84cm)	Cái	50	119,0	Cont Spitic
	Kệ sách Detroit, bookshelf, 8 niches gỗ Tràm + Kim loại và ván ép MDF .Kích thước (1510x380x1960)mm. Code C-183-082-A21	Cái	22	185,0	Phước Long

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ gỗ Tràm + Kim loại và ván ép MDF .Kích thước (1025x400x1960)mm. Code C-183-090-A21.	Cái	16	304,0	Phước Long
Ai Len	GIƯỜNG Gỗ Thông +Sồi)(mã hàng-COV2-QB01-OA)(2275X1660X260)mm	Cái	15	281,0	Cái Mép
	Tủ 2 cánh gỗ sồi (Gỗ sồi), Chân sắt, (1000x450x1840)mm.	Cái	10	396,0	Cont Spitec
	Bàn gỗ sồi 30930-001(750x2100x1300mm)	Cái	30	344,2	Gemalink
	Ghế gỗ óc chó, bọc vải 31243-006 (750x710x820mm)	Cái	17	201,1	Gemalink
	Kệ gỗ sồi 31214-003 (1800x1000x370mm)	Cái	16	251,5	Gemalink
Anh	Bàn ăn hiệu Elkstone: 1890mm x 1060mm x 170mm gỗ sồi	Cái	4	338,1	Qt sp-ssa(ssit)
	Kệ sách hiệu Elkstone: 1165mm x 415mm x 1940mm gỗ sồi	Cái	5	263,3	Qt sp-ssa(ssit)
	Tủ áo 3 Cửa -gỗ Thông + mdf - (2000 - 580 - 2100)mm - 1041.075	Cái	12	531,8	Qt sp-ssa(ssit)
	Giường gỗ sồi,thông JLD-QB05H/V3P -QCSP:2140 x 1650 x 1050 mm	Cái	10	570,0	Cái Mép
Australia	Giường gỗ tràm LINCOLN-KB04drwb , (L2320 x W1920 x H1200)mm	Cái	8	277,0	Bà Rya
	Bàn ăn tròn 1800 làm gỗ sồi	Cái	1	1.100,0	Gemalink
	Ghê sofa (U007-9CR) đã nhồi đệm, bọc vải, khung gỗ thông, kích thước 1620*1080*720, 1840*1080*720	Cái	2	899,0	Gemalink
	Kệ sách (124*38*200) cm gỗ tràm	Cái	10	178,2	Gemalink
	Tủ TRANG TRÍ (1100*1300*70)gỗ tràm	Cái	7	819,6	Gemalink
Belize	Nôi em bé (59 3/4**31 1/2**50")- Gỗ dương, ván mdf	Cái	36	154,3	Cái Mép
	Giường B1120-88-KE(2220*2085*1734)mm, gỗ dương	Bộ	18	303,9	Đồng Nai
	Bàn 2150T-44108 (2060*1185*200)mm, gỗ dương	Cái	29	241,2	Đồng Nai
	Tủ DV23123H(1850*680*1460)mm, gỗ dương và ván MDF, dùng trong nhà bếp.	Cái	7	239,9	Đồng Nai
Bỉ	Tủ áo 3 buồng - PAQ022, quy cách 1480x640x1900mm, gỗ sồi	Cái	1	515,0	Cát Lái
	Bàn X Cross màu than củi, 2800x1000x770mm gỗ tràm và gỗ sồi	Cái	30	373,0	Cont Spitec
	Ghế gốc cây gỗ bạch đàn 190 x 190 x 92(H) cm	Cái	260	131,2	Qui Nhơn
Các TVQ ở Rập thống nhất	Giường -MIL-KB/US / QC: (2055x1275x190)mm gỗ tràm	Cái	14	199,4	Cát Lái
	Bàn ăn kéo giãn Magnus Extension gỗ óc chó , kt: 210 x 100 x 75 cm.	Cái	10	574,0	Cont Spitec
	Tủ- Gỗ Tràm (mã hàng-EMILO-BF03)(1874X450X500)mm	Cái	11	216,0	Cont Spitec
	Ghế sofa góc (3700)gỗ tràm, ván ép, nệm mousse bọc vải, (1 Bộ=2 cái) quy cách (1435*765*655) mm, (890*765*655) mm	Bộ	14	208,9	Long Bình
Canada	Giường (2020x2175x975) mm, lgỗ óc chó , MDF , veneer , dùng trong phòng ngủ	Cái	8	502,0	Cái Mép
	Sofa khung gỗ birch, plywood bọc vải,mã hàng: EXP2-308, 1,68*0,76*1,12 m,	Cái	6	307,1	Qt Sp-Ssa(Ssit)
	Kệ code: ATC-SHS-001, QC: (51.2 x 15.7 x 78.7) inch gỗ sồi + MDF.	Cái	4	224,0	Gemalink
	Bàn plywood, gỗ oak, ốp viền kim loại, mặt đá nhân tạo. L24 "xD40 " xH17.5 "	Cái	6	896,0	Tân Cảng
	Tủ MDF, veneer oak, gỗ oak, lưới kim loại. QC: L 72 " x D 24 " x H 34 "	Cái	1	1.156,0	Tân Cảng
Guam	Tủ 5-1106-5818 (1473x457x913)mm, đã sơn (lgỗ cao xu xè, gỗ dương,gỗ điều,gỗ tràm,ván PB,ván MDF, ván ép)	Cái	4	199,6	Gemalink
	Bàn dài 5-1126-4278L (1981x1062x758)mm, đã sơn (lgỗ cao xu xè,gỗ điều,gỗ tràm,ván MDF, ván ép)	Cái	18	116,5	Gemalink
Hà Lan	Ghế (177X83X69CM) -Light Teak Look, gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	15	206,0	Cái Mép
	Tủ đầu giường Turina 3 ngăn (500x400x570)mm sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi	Cái	24	122,5	Cát Lái
	Bàn PF SEINE Table gỗ sồi + MDF, L: 240cm, W: 100cm, H: 76cm, mã LTV-010	Cái	1	711,2	KV.TP HCM
	Tủ gỗ sồi + MDF, L: 110.3cm, W: 43cm, H: 175cm, mã LTV-002-EU	Cái	1	812,4	KV.TP HCM
Hàn Quốc	Ghế sofa SF-301 4P(TG),(2.7 *0.96*0.75)M,khung gỗ thông+ván ép, bọc da bò thuộc và simili,đã nhồi nệm	Bộ	13	260,0	Cát Lái
	Bàn RM-CNT-1500 (1500x722x1100)mm ván MDF, gỗ tràm, giấy phủ	Cái	1	584,0	Cát Lái
	Ghế Sitting Sofa 2 (3200x1600x770)mm,ván ép, gỗ cao su, gỗ tràm	Cái	1	720,0	Cát Lái
	Kệ 120 (2 tầng) gỗ thông, kích thước 120x120x105cm.	Cái	5	500,0	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Giường Nordic gỗ Ash, ván ép, gỗ cao su (1880x2130x1065mm)	Cái	20	519,0	Tân Cảng
Hong Kong	Ghế sofa gỗ óc chó (W2190xD840xH770)	Cái	1	760,0	Cát Lái
	Tủ G-BF03-L - (gỗ poplar, beech, walnut) (2600x720x900)mm	Cái	7	3.687,7	T.Hợp B.Dương
	Bàn S-V01 - (gỗ sồi, beech) (973x454x1226)mm	Cái	12	1.650,4	T.Hợp B.Dương
	Kệ gỗ Cao su, gỗ Sồi, Plywood, MDF... 84*18*65.625". MH:01-0416-909D	Cái	1	658,5	Gemalink
	Giường gỗ dán, dương, sồi Quecus, MDF, da (3581*1828*2260mm)	Cái	1	2.186,2	Long Bình
Italia	Bàn Sorento khung gỗ trầm dầu màu mặt dán gạch 201X100X75CM	Cái	8	229,0	Cái Mép
	Ghế sofa 550017408 - 940X970X810 MMmm, gỗ thông	Cái	42	302,3	Qt Sp-Ssa(Ssit)
Môritiutx	Bàn gỗ trầm,ván ép-914 x 914 x 409 mm-l256-9101	Cái	30	164,8	Đồng Nai
	Tủ gỗ thông,ván ép, MDF-DRESSER-1676 x 457 x 993 mm-l631-454	Cái	15	283,0	Đồng Nai
Malaysia	Bàn dining table 2100 làm gỗ trầm (1000*2100*760)mm	Cái	6	147,4	Cát Lái
	Giường tầng gỗ thông - MWD2004 (2000x1445x1600) mm	Cái	151	188,5	Cát Lái
	Tủ 5494-40 (71" x 21.25" x 35.5")Inch gỗ cao su	Cái	6	234,6	Đồng Nai
Mỹ	Bàn (2355x680x700)mm Gỗ tếch, inox	Cái	5	1.895,0	Cái Mép
	Ghế Sofa (2485x935x830)mm Gỗ tếch, , vải bọc nệm, kèm 4 cái gối	Cái	1	2.290,0	Cái Mép
	Giường 500389-USK-NDK-F067 - (gỗ poplar, beech) (2078x2250x1664)mm	Cái	3	1.850,3	Cát Lái
	Kệ gỗ cao su, plywood, mdf, veneer (54 x 24 x 80)" / 0040-MW-08L	Cái	1	1.170,7	Cát Lái
	Tủ gỗ dê gai, sử dụng trong văn phòng, KT:121.80 x 45.80 x 223.50 CM	Cái	4	2.442,3	Cái Mép
New Zealand	Ghế sofa khung gỗ thông , ván ép, nệm, chân, bọc vải, quy cách 71x44x29 (inch)	Cái	7	217,9	Cát Lái
	Bàn ăn - gỗ Sồi (1800 - 940 - 750) mm - VV56.D01	Cái	24	236,0	Cát Lái
	Kệ (gỗ tần bì và MDF)(207x109x23cm)	Cái	5	177,0	Cát Lái
	Tủ Sideboard - gỗ Sồi (1596 - 450 - 760) mm - VV56.D31	Cái	22	335,0	Cát Lái
Nhật Bản	Tủ thờ 1,720 x 830 x 700 mm gỗ keyaki, white ash	Bộ	2	2.008,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (1800x800x710) mm	Cái	10	347,5	Cát Lái
	Ghế LS85502R/L làm Gỗ Thông và Gỗ Sồi có nệm bọc da bò. Kích thước: 1815*825*690mm (COUCH)	Cái	1	800,0	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi 0026745 Nhãn hiệu RIDGELINE , (2000 x 400 x 380)mm	Cái	10	153,9	Cát Lái
Pháp	Bàn gỗ thông (504 x 394 x 700)mm, mã hiệu 129837	Cái	13	547,5	Cát Lái
	ghế sofa gỗ thông bọc vải Masso 3 Seat sofa A283D-03seaters 222*101*75cm	Cái	25	350,5	Cont Spitic
	Giường PPLR/PPL9-SM - gỗ thông & MDF, (202x151x120)cm	Cái	8	470,3	Cont Spitic
	Kệ sách 6475 -gỗ thông, kích thước (250x90x239)cm	Cái	2	904,2	Cont Spitic
	Tủ A483 - gỗ thông, MDF, ván ép, kích thước (106x40.5x215)cm	Cái	2	676,2	Cont Spitic
Puerto Rico	Kệ Scala 2 hộc kéo mã hàng 02018081 gỗ sồi & MDF veneer, màu tự nhiên, KTSP : 1300x500x2000mm	Cái	34	261,0	Gemalink
	Ghế sofa 1 chỗ lớn 1 tay vịn, bọc da bò, PVC, lván ép, gỗ thông (45*34*30)"	Cái	9	151,7	Cát Lái
	Giường nhỏ- Queen Bed B1955-Q ITEM B1955-Q (1626*2413*1448) gỗ thông, ván MDF	Cái	25	163,0	Cát Lái
Singapore Singapore	Tủ trang điểm (có khung kiếng) gỗ cao su thuộc nhóm 7, ván MDF và ván ép. Size: 1457x403x870mm. Item:52654-DR-MR.	Cái	54	136,1	Qt Sp-Ssa(Ssit)
	Kệ treo tường Gỗ dán, gỗ tần bì ,item code:23411.ID-DT-470,KT:3162x457x610mm	Bộ	1	990,0	Nam Đình Vũ
	Sofa giường khung Gỗ dán, gỗ óc chó mã code: 23423.GR-168, KT:2443x1738x813 mm,	Bộ	8	1.250,0	Nam Đình Vũ
Tây Ban Nha	Tủ bếp Gỗ dán, gỗ tần bì, gỗ sồi, vân sam KT:2946x3187x2184 mm	Bộ	1	5.836,0	Nam Đình Vũ
	Bàn trang điểm VTM104-F975 (1295x521x1600)mm, đã sơn (lgỗ thông, gỗ dương,ván ép,ván MDF)	Bộ	42	242,3	Qt Sp-Ssa(Ssit)
	Giường (2215x1564x1100)mm gỗ óc chó	Cái	33	347,6	Transimex
	Tủ(1300 x 480 x 870)mm,gỗ óc chó	Cái	33	244,8	Transimex

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Thụy Sĩ	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt (D.100 x W.200 x H.76cm) (Gỗ sồi)	Cái	124	195,0	Cont Spitic
	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt hộp 40x80mm (D.100 x W.200 x H.76cm) (Gỗ sồi)	Cái	16	195,0	Cont Spitic
	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt hộp 60x60mm (D.100 x W.200 x H.75cm) (Gỗ sồi)	Cái	178	221,0	Cont Spitic
	Kệ TV MDF, chân sắt (D.45 x W.180 x H.50cm)	Cái	90	160,0	Cont Spitic
	Tủ MDF, chân sắt (D.45 x W.195 x H.78cm)	Cái	60	199,0	Cont Spitic
	Ghế làm gỗ keo, kích thước 1950 x 640 x 300mm	Cái	50	79,2	Qui Nhon
Trung Quốc	Ghế có chân làm sắt, mặt gỗ sồi, bọc nệm 2300x840x760 mm, mã: CHL0025-14-592-08	Cái	15	1.267,1	Cát Lái
	Giường (gỗ poplar)10120412BWWT - (2076x2203x2285)mm	Cái	3	1.300,4	T.Hợp B.Dương
	Tủ CSG-407 -(gỗ sồi, poplar) (1219x654x1892)mm	Cái	8	1.780,8	T.Hợp B.Dương
	Bàn gỗ óc chó đã căn trũng sơn mài Walnut ConsoleTable, Colour: DIN WHITE, kích thước: 1500*480*850mm.	Cái	1	2.452,6	KV.TP HCM
Xâysen	Tủ hình chữ nhật gỗ thông,gỗ birch ván mdf phủ sơn:15101-VS49-GR 1218*546*864 mm	Cái	2	335,0	Cái Mép
	Giường làm gỗ Thông, MDF...Quy cách:2020x2192x1580mm	Cái	7	216,1	Cái Mép
	Bàn trang điểm dùng trong phòng ngủ (ván MDF, ván PB, gỗ cây dương, gỗ thông) size 1672*466*994mm, item 2751-03	Cái	26	248,7	Cái Mép
Xamoa	Ghế (95 x 42 x 34) inch, Gỗ tần bì xẻ	Cái	3	463,1	Cái Mép
	Tủ (72 1/4 x 19 x 34) inch,Gỗ cao su xẻ	Cái	6	806,3	Cái Mép
	Bàn (34 x 30 x 30) inch, Gỗ cây sồi xẻ	Cái	11	180,0	Cát Lái

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

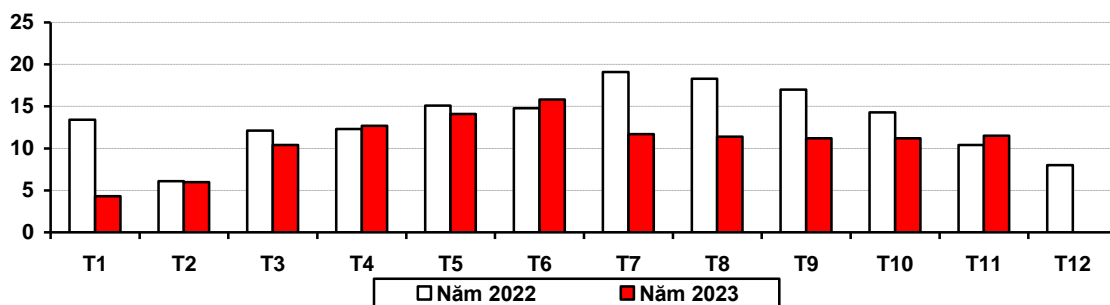
Nhập khẩu gỗ dương giảm 15,3% về lượng

Mỹ là thị trường cung cấp gỗ dương lớn nhất trong 11 tháng năm 2023, chiếm 50,2% tổng lượng nhập khẩu, đạt 147,5 nghìn m³, trị giá 44,2 triệu USD, giảm 14,0% về lượng và giảm 37,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam tháng 12/2023 đạt 30,6 nghìn m³, trị giá 11,6 triệu USD, tăng 1,5% về lượng và tăng 1,2% về trị giá so với tháng 11/2023; so với tháng 12/2022 tăng 42,1% về lượng và tăng 45,5% về trị giá.

Tính chung năm 2023, nhập khẩu gỗ dương đạt 324,4 nghìn m³, trị giá 131,9 triệu USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 26,2% về trị giá so với năm 2022.

Trị giá nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam qua các tháng năm 2022– 2023 (ĐVT:Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam tháng 11/2023 đạt 30,1 nghìn m³, trị giá 11,5 triệu USD, tăng 5,6% về lượng và tăng 2,5% về trị giá so với

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

tháng 10/2023; so với tháng 11/2022 tăng 19,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá.

Tính chung 11 tháng năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này đạt 293,8 nghìn m³, trị giá 120,3 triệu USD, giảm 15,3% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, gỗ dương xẻ nhập khẩu về Việt Nam 11 tháng năm 2023 đạt khối lượng 279,0 nghìn m³, trị giá 116,8 triệu USD, giảm 10,6% về lượng và giảm 28,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ dương loại xẻ đạt 14,7 nghìn m³, trị giá 3,4 triệu USD, giảm 57,1% về lượng và giảm 59,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Tham khảo nhóm gỗ dương nhập khẩu 11 tháng năm 2023

Chủng loại	11 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	279.022	116.829	418,7	-10,6	-28,0	-19,4
Gỗ tròn	14.726	3.432	233,0	-57,1	-59,2	-4,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về giá nhập khẩu:

Giá nhập khẩu gỗ dương 11 tháng năm 2023 đạt 409,4 USD/m³, giảm 16,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, giá nhập khẩu bình quân gỗ dương từ thị trường Mỹ đạt 300 USD/m³, giảm 27,7% so với cùng kỳ năm 2022; Trung Quốc giảm 12,8%, xuống 751,4 USD/m³; Nga giảm 19,3%, xuống 389,7 USD/m³...

+ Về thị trường nhập khẩu:

11 tháng năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ dương nguyên liệu của Việt Nam từ các thị trường lớn như Mỹ, Nga, EU... giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong khi đó nhập khẩu từ Trung Quốc, Canada, Đài Loan... lại tăng. Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ dương từ thị trường Mỹ lớn nhất chiếm 50,2% tổng lượng nhập khẩu trong 11 tháng năm 2023, đạt 147,5 nghìn m³, trị giá 44,2 triệu USD, giảm 14,0% về lượng và giảm 37,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Nga giảm 19,7% về lượng và giảm 35,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 76,2 nghìn m³, trị giá 29,7 triệu USD.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ dương từ EU giảm 52,2%; Hồng Kông giảm 68,9%; Xânsen giảm 37,0% so với cùng kỳ năm 2022.

Trái lại, lượng nhập khẩu gỗ dương từ thị trường Trung Quốc tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 54,4 nghìn m³; Canada tăng 451,2%, đạt 1,7 nghìn m³; Đài Loan (Trung Quốc) tăng 229,4%, đạt 272 m³.

Thị trường cung cấp gỗ dương cho Việt Nam 11 tháng năm 2023

Thị trường	11 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	11T/2023	11T/2022
Tổng	293.764	120.266.614	409,4	-15,3	-29,6	-16,9	100,0	100,0
Mỹ	147.501	44.247.718	300,0	-14,0	-37,8	-27,7	50,2	49,4
Trung Quốc	54.437	40.905.825	751,4	7,1	-6,7	-12,8	18,5	14,7

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	11 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	11T/2023	11T/2022
Nga	76.180	29.684.475	389,7	-19,7	-35,2	-19,3	25,9	27,4
EU	11.879	3.817.893	321,4	-52,2	-51,5	1,3	4,0	7,2
Látvia	2.386	943.834	395,6	-57,2	-53,9	7,7	0,8	1,6
Đức	1.740	322.482	185,4	6,4	16,1	9,1	0,6	0,5
Pháp	1.400	329.992	235,7	2.037,2	1.323,6	-33,4	0,5	0,0
Croatia	1.319	524.750	397,7	-39,9	-35,7	7,0	0,4	0,6
Estonia	1.042	419.486	402,7	-42,1	-59,7	-30,5	0,4	0,5
Bỉ	673	109.618	162,9	-87,3	-85,5	14,1	0,2	1,5
Ba Lan	540	235.817	436,9				0,2	0,0
Italia	531	232.187	437,2	-55,0	-49,9	11,3	0,2	0,3
Hy Lạp	493	212.423	431,2	94,1	104,0	5,1	0,2	0,1
Ai Len	469	134.456	286,9	-82,4	-83,1	-4,2	0,2	0,8
Hà Lan	335	69.064	206,4	29,6	-40,3	-53,9	0,1	0,1
Rumani	282	115.278	408,4	-59,4	-51,5	19,3	0,1	0,2
Lítva	277	95.102	343,9	-89,4	-89,9	-4,2	0,1	0,8
Thụy Điển	211	40.517	192,3				0,1	0,0
Đan Mạch	183	32.887	179,7	33,7	75,0	30,9	0,1	0,0
Canada	1.742	780.415	448,1	451,2	419,3	-5,8	0,6	0,1
Hồng Kông	730	374.060	512,7	-68,9	-69,5	-1,9	0,2	0,7
Đài Loan	272	89.887	330,5	229,4	143,5	-26,1	0,1	0,0
Belize	235	77.830	331,3				0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi tăng trở lại

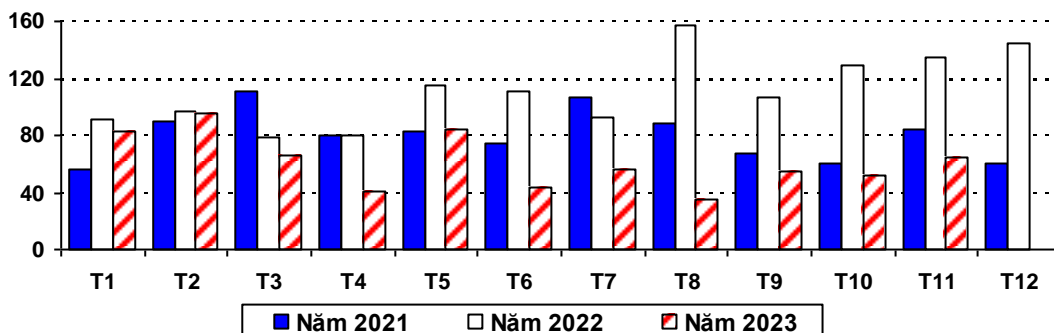
Theo thống kê, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi trong tháng 11/2023 đạt 64,69 nghìn m³, với trị giá 25,10 triệu USD, tăng 23,4% về lượng và tăng 30,3% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 51,9% về lượng và giảm 51,3% về trị giá so với tháng 11/2022.

Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi đạt 675,04 nghìn m³, với trị giá 264,35 triệu USD, giảm 43,4% về lượng và giảm 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Năm 2023 chứng kiến sự giảm sút của nhu cầu tiêu dùng nội địa đối với ngành gỗ. Một trong những lý do làm giảm cầu nội địa là do thị trường bất động sản đang trải qua giai đoạn trầm lắng. Bên cạnh đó, lượng gỗ tồn nhập khẩu từ trước đó còn rất lớn

Năm 2024, dự báo thị trường bất động sản sẽ có dấu hiệu hồi phục trở lại. Tuy nhiên, Việt Nam đang nỗ lực thay thế nguồn nguyên liệu gỗ rủi ro trong đó có nguồn cung từ châu Phi. Điều này giúp cho Việt Nam đáp ứng tốt hơn với các yêu cầu về kiểm soát gỗ rủi ro nhập khẩu trong khuôn khổ của Hiệp định VPA FLEGT và Thỏa thuận gỗ Việt Nam – Mỹ mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết. Thay thế nguồn gỗ rủi ro nhập khẩu còn có tiềm năng mở rộng nhập khẩu các loại gỗ ít rủi ro và tạo cơ hội cho nguồn gỗ rừng trồng trong nước. Dự báo, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi trong năm 2024 sẽ vẫn ở mức thấp.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ châu Phi (đvt: nghìn m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường cung cấp:

Cameroon vẫn là thị trường tại châu Phi cung cấp nhiều nhất gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tháng 11/2023 đạt 36,47 nghìn m³, với trị giá 16,60 triệu USD, tăng 18,3% về lượng và tăng 31,1% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 54,1% về lượng và giảm 50,7% về trị giá so với tháng 11/2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Cameroon đạt 391,48 nghìn m³, với trị giá 171,28 triệu USD, giảm 29,5% về lượng và giảm 27,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Nam Phi trong tháng 11/2023 tăng mạnh, đạt 7,05 nghìn m³, với trị giá 1,97 triệu USD, tăng 64,0% về lượng và tăng 61,4% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 23,6% về lượng và giảm 24,5% về trị giá so với tháng 11/2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Nam Phi đạt 42,21 nghìn m³, với trị giá 11,26 triệu USD, giảm 45,2% về lượng và giảm 46,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trái ngược với 2 thị trường trên, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Angola trong tháng 11/2023 giảm 12,7% về lượng và giảm 15,8% về trị giá so với tháng 10/2023, đạt 2,80 nghìn m³, với trị giá 729 nghìn USD. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Angola đạt 49,53 nghìn m³, với trị giá 13,19 triệu USD, giảm 13,3% về lượng và giảm 10,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ các thị trường châu Phi

(Đvt: Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 11/2023		So với tháng 10/2023 (%)		So với tháng 11/2022 (%)		11 tháng năm 2023		So với 11 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	64.688	25.101	23,4	30,3	-51,9	-51,3	675.035	264.345	-43,4	-40,5
Cameroon	36.474	16.598	18,3	31,1	-54,1	-50,7	391.480	171.277	-29,5	-27,1
Angola	2.802	729	-12,7	-15,8	4,0	14,1	49.534	13.187	-13,3	-10,8
Nam Phi	7.049	1.965	64,0	61,4	-23,6	-24,5	42.214	11.264	-45,2	-46,4
CHDC Công gô	1.803	983	0,4	36,3	-59,9	-49,9	37.717	19.001	-59,7	-54,4
Nigeria	736	176	-46,1	-45,6	-94,1	-95,2	29.209	7.414	-82,7	-85,6
Gabon	1.990	515	35,5	-22,8	-55,6	-73,7	28.472	10.700	-37,5	-35,6
CH Congo	5.217	1.746	124,0	84,2	-13,7	-33,5	28.191	12.539	-47,9	-38,7
Ghana	1.445	490	23,4	45,3	-57,8	-48,5	14.227	4.084	-55,6	-59,6
Nambia	2.287	658	134,1	143,9	42,2	33,9	13.198	3.915	-14,4	-9,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 11/2023		So với tháng 10/2023 (%)		So với tháng 11/2022 (%)		11 tháng năm 2023		So với 11 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Guinea Xích đạo	0	0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	10.757	3.047	-64,8	-70,4
Xiera Lêôn	1.600	448	-8,9	-4,4	988,7	694,9	10.295	2.929	126,9	115,7
Môdambic	2.786	658	406,4	460,2	-18,5	-25,0	8.568	2.021	-36,1	-41,9
Kenya	415	114	36,3	27,4	-88,4	-89,3	6.940	1.900	-68,5	-70,8
Bờ Biển Ngà	0	0	-	-	-	-	2.362	393	29,6	-42,2
Tanzania	82	19	-23,7	-47,1	-83,0	-87,4	822	239	-68,8	-75,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Chủng loại gỗ nhập khẩu:

Tháng 11/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi tăng trở lại là do nhập khẩu gỗ xẻ tăng mạnh so với tháng 10/2023; ngược lại nhập khẩu gỗ tròn giảm. Cụ thể:

- Gỗ xẻ: Theo thống kê, nhập khẩu gỗ xẻ từ châu Phi về Việt Nam trong tháng 11/2023 đạt 37,98 nghìn m³, với trị giá 14,49 triệu USD, tăng 78,2% về lượng và tăng 93,8% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 34,2% về lượng và giảm 37,0% về trị giá so với tháng 11/2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ xẻ từ châu Phi đạt 322,72 nghìn m³, với trị giá 125,69 triệu USD, giảm 32,0% về lượng và giảm 31,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ từ châu Phi về Việt Nam trong tháng 11/2023 ở mức 382 USD/m³, tăng 8,7% so với tháng 10/2023 và giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ từ châu Phi ở mức 389 USD/m³, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Đáng chú ý, mặc dù gỗ gỗ và gỗ hương tại châu Phi đã được vào Phụ lục 2 gồm các loại động, thực vật bị đe dọa trong tự nhiên và chịu kiểm soát trong thương mại quốc tế. Tuy nhiên, nhập khẩu 2 chủng loại này trong những tháng gần đây có xu hướng tăng trở lại, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước.

Theo thống kê, nhập khẩu gỗ hương xẻ trong tháng 11/2023 tăng 45,2% về lượng và tăng 43,0% về trị giá so với tháng 10/2023; gỗ gỗ xẻ tăng 230,6% về lượng và tăng 435,6% về trị giá. Tính chung trong 11 năm 2023, nhập khẩu gỗ hương xẻ giảm 16,2% về lượng và giảm 21,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; nhập khẩu gỗ gỗ giảm 55,3% về lượng và giảm 55,6% về trị giá.

Tháng 11/2023, nhập khẩu gỗ lim xẻ cũng tăng mạnh 81,0% về lượng và tăng 67,4% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 27,9% về lượng và giảm 35,1% về trị giá so với tháng 11/2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, gỗ lim vẫn là chủng loại gỗ xẻ được nhập khẩu nhiều nhất từ châu Phi, đạt 154,04 nghìn m³, với trị giá 69,40 triệu USD, giảm 12,1% về lượng và giảm 9,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

- Gỗ tròn: Nhập khẩu gỗ tròn từ châu Phi về Việt Nam trong tháng 11/2023 đạt 26,71 nghìn m³, với trị giá 10,61 triệu USD, giảm 14,1% về lượng và giảm 10,0% về trị giá so với tháng 10/2023; giảm 65,2% về lượng và giảm 62,8% về trị giá so với tháng 11/2022. Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ tròn từ châu Phi về Việt Nam đạt 352,12 nghìn m³, với trị giá 138,44 triệu USD, giảm 51,0% về lượng và giảm 47,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ tròn từ châu Phi trong tháng 11/2023 ở mức 397 USD/m³, tăng 4,8% so với tháng 10/2023 và tăng 7,0% so với tháng 11/2022. Tính

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

chung trong 11 tháng năm 2023, giá nhập khẩu trung bình gỗ tròn ở mức 393 USD/m³, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong tháng 11/2023, nhập khẩu gỗ gỗ lim tròn, gỗ gõ, gỗ xoan giảm so với tháng 10/2023; ngược lại, nhập khẩu gỗ sến, teak, bạch đàn tăng mạnh.

Tính chung trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu hầu hết các chủng loại gỗ tròn từ châu Phi đều giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, gỗ lim vẫn là chủng loại được nhập khẩu nhiều nhất, đạt 164,44 nghìn m³, với trị giá 59,58 triệu USD, giảm 31,8% về lượng và giảm 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Các chủng loại gỗ nhập khẩu từ châu Phi trong tháng 11 và 11 tháng năm 2023

(Đvt: Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 11/2023		So với tháng 10/2023 (%)		So với tháng 11/2022 (%)		11 tháng năm 2023		So với 11 tháng năm 2022 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		64.688	25.101	23,4	30,3	-51,9	-51,3	675.035	264.345	-43,4	-40,5
Gỗ xẻ	Lim	15.209	6.237	81,0	67,4	-27,9	-35,1	154.035	69.397	-12,1	-9,3
	Hương	11.759	3.319	45,2	43,0	-15,6	-26,2	90.347	26.274	-16,2	-21,4
	Gõ	8.830	4.168	230,6	435,6	-34,8	-27,1	42.448	17.856	-55,3	-55,6
	Mít	270	91	-45,6	-43,3	170,7	295,7	5.502	1.666	51,1	68,3
	Xoan	735	268	110,8	146,4	-7,6	-12,8	4.968	1.672	-4,9	-7,0
	Iroko	0	0	-	-	-100,0	-100,0	3.340	976	-77,1	-75,3
	Dâu	110	38	-82,1	-77,5	-	-	3.154	861	-	-
	Movingui	0	0	-	-	-100,0	-100,0	2.451	866	-80,0	-79,5
	Cắm	449	142	352,2	471,2	90,0	190,5	2.346	850	-10,1	63,0
	Ekop	20	6	-	-	-95,4	-96,3	1.874	658	-79,1	-80,6
	Dôi	235	82	156,4	151,7	-	-	892	300	-	-
	Muồng	0	0	-100,0	-100,0	-	-	342	92	11.653	13.047
	Dabema	0	0	-	-	-100,0	-100,0	336	163	-57,3	-23,3
	Eyeck	0	0	-	-	-	-	269	94	-	-
Dầu	0	0	-	-	-	-	205	44	160,2	160,2	
Tổng		37.978	14.491	78,2	93,8	-34,2	-37,0	322.721	125.690	-32,0	-31,3
Gỗ tròn	Lim	11.825	3.910	-14,9	-14,1	-58,3	-60,6	164.444	59.577	-31,8	-32,8
	Gõ	5.176	3.368	-10,4	9,1	-71,3	-55,5	50.624	25.228	-70,7	-60,0
	Sến	3.564	1.083	63,6	49,9	-39,0	-51,3	31.936	11.171	-12,0	-10,1
	Xoan	2.256	699	-15,2	-20,6	-45,7	-53,6	24.248	9.095	-43,6	-40,9
	Hương	653	242	-63,7	-59,9	-82,6	-84,8	11.906	4.264	-64,0	-66,3
	Teak	749	439	583,3	623,1	2.482,6	3.433,0	7.617	5.080	-3,3	31,9
	Bạch đàn	363	60	209,3	223,8	-61,2	-70,3	6.671	1.273	-70,0	-71,3
	Iroko	0	0	-	-	-100,0	-100,0	4.694	1.691	-73,8	-74,0
	Dâu	113	33	-83,8	-81,4	-	-	4.400	1.234	-	-
	Mít	95	22	-92,8	-94,9	-	-	3.061	963	28,8	33,5
	Cắm	170	41	-54,4	-85,1	-42,0	-80,6	2.338	1.076	75,1	20,0
	Keo	50	12	-	-	-	-	2.325	312	537,5	225,3
	Muồng	40	16	-	-	-	-	2.302	1.166	-31,5	-17,0
	Ekop	0	0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	1.563	438	-82,3	-83,9
	Dabema	0	0	-	-	-100,0	-100,0	568	140	-90,9	-91,6
	Óc chó	0	0	-100,0	-100,0	-	-	418	116	-	-
	Eyeck	0	0	-	-	-	-	360	138	-	-
	Eku	0	0	-	-	-	-	358	83	-	-
Bosse	0	0	-	-	-	-	247	129	-	-	

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 11/2023		So với tháng 10/2023 (%)		So với tháng 11/2022 (%)		11 tháng năm 2023		So với 11 tháng năm 2022 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
		Tổng									
		26.710	10.610	-14,1	-10,0	-65,2	-62,8	352.120	138.441	-51,0	-47,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi đạt trị giá cao trong 11 tháng năm 2023

Doanh nghiệp nhập khẩu	11T/2023 (nghìn USD)	So với 11T/2022 (%)
CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI LỢI	62.424	-1,3
CTY TNHH LONG HƯNG	16.224	-33,6
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG KIM	12.885	-33,1
CTY TNHH TIẾN LỢI	10.992	-60,2
CTY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN THÀNH	7.731	-61,7
CTY TNHH TRÍ THÀNH ĐỨC	6.783	-46,9
CTY TNHH TC XANH	5.685	16,2
CTY TNHH MINH	5.545	-45,2
CTY TNHH NAM SƠN HÀ	5.233	-57,1
CTY TNHH AATT	5.007	-51,6
CTY TNHH TÀI NGUYÊN	4.296	-29,2
CTY CỔ PHẦN PHÚ LÂN	3.765	-42,3
CTY TNHH GỖ XUÂN HẠNH	3.598	42,7
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU GỖ PHI LONG	3.215	75,7
CTY TNHH GỖ TNC	3.166	288,5
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU MINH QUANG PHÁT	2.642	5,1
CTY TNHH GỖ LINH	2.587	26,4
CTY TNHH ĐU ĐỦ XANH VIỆT NAM	2.562	-21,4
CTY TNHH TRANG TUẤN	2.525	-28,4
CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LÂM	2.516	-21,7
CTY TNHH HOÀ PHƯƠNG	2.332	-24,4
CTY TNHH BẢO TÍN MINH THU	2.306	-47,0
CTY TNHH GỖ LONG HƯNG	2.254	117,1
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GỖ PHÁT LỘC	2.077	-55,6
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG	2.052	-78,4
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ THÀNH CÔNG	1.916	29,0
CTY TNHH TUẤN MINH MTV	1.857	-51,5
CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ACE	1.803	21,4
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU DHNC	1.635	2.004,0
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TRÍ DŨNG	1.609	-82,8

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023

Trong tuần từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 67,3 triệu USD, tăng 43,2% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng như: từ Mỹ tăng 538,1%; Thái Lan tăng 5,5%; Chile tăng 58,3%; Đài Loan tăng 106,2%; Slovenia tăng 497,0%; Đức tăng 52,8%; Bỉ tăng 114,3%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 33,4%; Hồng Kông giảm 38,8%; Lào giảm 38,6%; Pháp giảm 33,1%; Belize giảm 25,8%; Campuchia giảm 18,1%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023 (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Kỳ từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023	So với tuần trước (%)
Tổng	67.267	43,2
Mỹ	35.798	538,1
Trung Quốc	10.318	-33,4
Thái Lan	2.808	5,5
Hồng Kông	2.489	-38,8
Lào	2.004	-38,6
Chilê	1.281	58,3
Pháp	1.016	-33,1
Đài Loan	853	106,2
Singapore	703	-40,9
Slovenia	657	497,0
Đức	613	52,8
Bỉ	587	114,3
New Zealand	516	37,1
Australia	495	264,6
Braxin	494	44,4
Malaysia	449	25,9
Latvia	386	56,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 19/12/2023 đến 26/12/2023

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó đen xẻ, dày: 8/4 inch, dài: 4 - 16 feet, rộng: 4 - 15 feet	29	935,0	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ óc chó xẻ, dày: 4/4 inch, rộng: 3-15 inch, dài: 4-12 feet	33	720,1	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ bách nhật xẻ sấy, dày 21-50x rộng 25-500 x dài 1400-3000mm	10	794,0	Nhật Bản	Tiên Sa	CIF
Gỗ bạch đàn tròn xẻ, 300-500mm x 5800mm	151	198,8	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ căm xẻ, dài: 2.0m, rộng: 27cm, dày: 27cm	18	200,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ dương xẻ 25.4 mm x 76-330mm x 1829-3658mm	78	525,0	Canada	Cont Spic	CIF
Gỗ dương xẻ, dày 25.4mm x 1.83-4.88m x 8-36cm	39	208,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dổi xẻ (210 x22 x14)cm	90	200,0	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ dẻ gai tròn, dài 3m, dk từ 40cm	69	197,3	Hà Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (23-28mm x 100-150mm x 2450-3450)mm	71	474,5	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày: 26mm, dài 2.5 m - 3.0 m	32	453,9	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ, dày: 22/38mm, dài: 2 - 3.6m	7	373,5	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ đẹo vuông thô dày trên 35 cm, rộng trên 38 cm dài trên 200 cm	22	190,0	Uganda	Cát Lái	C&F
Gỗ gỗ dạng xẻ dày (40 - 55) cm, rộng (43 - 60) cm, dài (230 - 280) cm	25	230,0	Dambia	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xẻ, dài: 210- 300cm, rộng: 20cm - 54cm, dày: 10cm - 52cm	241	200,0	Hồng Kông	Đình Vũ	FOB
Gỗ giáng hương xẻ dày từ 2cm, rộng từ 3cm và dài 30cm	5	950,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ gụ lau xẻ dày trên 6mm	40	549,9	Lào	Hà Tĩnh	DAF
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.70m - 2.30 m, rộng từ 0.20m - 0.49m, dày từ 0.13m - 0.18m	20	291,8	Trung Quốc	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dày (4 - 10) cm, rộng (20 - 30) cm, dài (200 - 260) cm	23	270,1	Ângôla	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương dài từ 200-300 cm, vanh từ 130-200cm	22	399,9	Thái Lan	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ dài 210-220 cm, rộng 19-62cm, dày 13-26cm	22	170,0	Dambia	Hải Phòng	C&F

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ hương xẻ dày: từ 4-16 cm, rộng: từ 30-60 cm, dài: từ 147-223 cm	21	180,0	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ lim đk 58-69cm, dài 5.7m	219	320,0	Đảo British Virgin	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài 230-250 cm, dày 45-64cm, rộng 45-85cm.	22	227,3	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim rộng từ 50-65 cm, dày 50-65 cm, dài 240-260 cm	20	210,0	Ânggôla	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim tròn đk 70-79 cm, dài 5m-15m	4	303,5	Pháp	Hải Phòng	FOB
Gỗ linh sam 38x140x2439mm	12	134,7	Canada	Hải Phòng	CIF
Gỗ linh sam xẻ, sậy (22-63x125-175x2100-5700mm)	196	415,0	Phần Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ mít đã xẻ dài từ 750-2630mm, dày 100-320mm, rộng 100-340mm	21	210,1	Indonesia	Cảng xanh	CFR
Gỗ sồi đỏ xẻ (32mm*5.08-43.18cm*1.2192-4.8768m)	32	415,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 4/4 3A, dày 25.4 mm, dài từ 1.8 m	54	365,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày: 22 mm dài 2,00 m - 4,30 m	30	672,1	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ Sến xẻ, dài: 2.5m, rộng: 35cm, dày: 32cm	56	180,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì đk: 30-91cm, dài:3.0-11.5 m	382	220,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì dài 2.7 m, đk 25-29cm	3	169,8	Đan Mạch	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì khúc tròn đk 20cm, dài (3-11,5)m	147	160,0	Đảo British Virgin	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (30-62)cm, dài(4.5-11.6)m	167	200,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (31-78)cm; dài (240-1150)cm	340	220,9	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (32-75)cm, dài (300-1150)cm	176	250,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 34-93cm, dài 3.8-11.5m	110	200,0	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn, đk từ 40cm, dài từ 3.6m	9	170,6	Pháp	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 3m, đk từ 30 cm	28	224,0	Italia	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì xẻ dài 3m, rộng 30 cm, độ dày 2.6cm	31	501,4	Croatia	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày: 32 mm, dài từ 2.0 m	27	518,8	Slovenia	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì xẻ dày:25.4mm,dài:6-14feet	13	463,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ thông 38x140x3658mm	16	134,7	Canada	Hải Phòng	CIF
Gỗ thông xẻ (22 x 100-200 x 2745-3660)mm	48	235,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 15*100*1830mm	148	163,3	Braxin	Hải Phòng	CFR
Gỗ thông xẻ 22mm x 100-175mm x 2000-2700mm	147	230,0	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 50mm x 100mm x (3,6m - 6,0m)	47	158,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ dày 22mm x rộng 150/200mm x dài 3500/4000mm	93	225,0	Uruguay	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ dày 35 mm, rộng 225 mm, dài 3990 mm	26	165,0	áo	Hải Phòng	CFR
Gỗ thông xẻ rộng 195mm, dày 50mm, dài từ 4.8-6m	82	191,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ, sậy, dày 17mm, rộng 100-130mm, dài 1,6-3,2mét	43	205,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ -(1829-3658 x 76-406 x 25.4)mm	29	629,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn anh đào, đk từ (14-24)inch	6	500,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk trung bình 52.5cm, dài 2.7m.	278	225,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam xẻ 22mmx150mmx3000-4800mm	37	220,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ dày 12 mm, rộng120 mm, dài từ 4200 mm	17	356,6	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ vân sam xẻ dày từ 16 mm, rộng từ 97 mm, dài từ 3750 mm	205	165,0	áo	Hải Phòng	CFR
Gỗ vân sam xẻ sậy (25mm x 150mm x 4500mm-5400mm)	43	255,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Gỗ xoan đào rộng từ 55cm, dày 60cm, dài 280 cm	21	200,0	Gana	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 2.5m, rộng: 33cm, dày: 32cm	19	180,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan đk từ 13cm-38cm, dài 200cm-700cm	25	100,0	Lào	Thanh Hóa	DAF
Ván dăm (PB) (1220x2440x12 (mm)	76	149,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván dăm 25x1830x2440mm	201	119,0	Thái Lan	Cảng xanh	CFR
Ván MDF - 18 x 1220 x 2440mm	435	135,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF 1220mmx2440mmx2.5mm	31	254,9	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Ván MDF 18 mm (18 x 1525 x 2440)mm	96	220,1	Belize	Cát Lái	CFR
Ván PB (Ván dăm) Qc: 14mm x 1220mm x 2440mm	79	123,0	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván PB (Ván dăm), Qc: 1220mm x 2440mm x 25mm	151	155,0	Malaysia	Cát Lái	C&F
Ván plywood- (3*1220*2440) mm	61	510,0	Belize	Cát Lái	CFR

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ ngày 12/12/2023 đến 27/12/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 12/12/2023 đến 27/12/2023 đạt 35,56 triệu USD, tăng 0,3% so với kỳ trước (từ ngày 18/11/2023 đến 12/12/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 18,89 triệu USD, tăng 7,5% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 4,57 triệu USD, tăng 0,7%; tre đan đạt 3,51 triệu USD, giảm 19,2%; cói đan đạt 2,49 triệu USD, giảm 21,5%; mây đan đạt 1,89 triệu USD, giảm 11,7%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 56 thị trường. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, đạt 7,17 triệu USD, giảm 43,7% so với kỳ trước; tiếp đến là Ấn Độ đạt 2,14 triệu USD tăng 17,6%, Nhật Bản đạt 2,13 triệu USD, Đức đạt 1,48 triệu USD, Pháp đạt 1,03 triệu USD...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Ghế Nantucket 84" khung mây, ván Plywood, giấy dùng đan ghế (2215mm x 995mm x 840mm), xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông có giá 295,5 USD/cái (FOB cảng Cái Mép); bộ bàn ghế sofa bằng tre (1 bộ bao gồm: 1 bàn tre QC: 110x60x40 cm, 2 ghế sofa tre QC: 70x69x82 cm, 1 ghế băng sofa tre QC: 150x69x82 cm), xuất khẩu sang thị trường Phần Lan có giá 228,9 USD/bộ (FOB cảng Cái Mép); Giường tre BAMBEDLOUNGE-RI (220x120xH70 cm), xuất khẩu sang thị trường Đan Mạch có giá 160,0 USD/cái (FOB cảng Gemalink)...

Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đài Loan	Rèm cửa tre kích thước 47"x 64" (M)	Cái	36	18,3	Lạch Huyện
	Chiếu cói 50x50cm	Cái	240	8,3	Green Port
	Giỏ bèo tây kích cỡ 44x28xH38cm	Cái	696	7,0	Lạch Huyện
	Khung ảnh sơn mài cốt tre kích cỡ 22.5x17.5xH1.5cm	Cái	3.246	5,2	Lạch Huyện
	Chậu trồng cây sơn mài cốt tre kích cỡ D17xH15cm	Cái	152	4,9	Lạch Huyện
Đan Mạch	Giường tre BAMBEDLOUNGE-RI (220x120xH70 cm)	Cái	20	160,0	Gemalink
	Ghế Băng Sofa tre. QC: 180 x 70 x 82 cm	Cái	204	86,0	Cát Lái
	Giỏ cói mã GCS45.63.01, kích thước Dia 45x H63 cm	Cái	210	31,4	Tân Vũ
	Bàn tre (76x76xH29 cm)	Cái	40	23,0	Gemalink
	Giỏ bèo, kích thước 40x30x H60 cm	Cái	170	18,7	Tân Vũ
	Tấm cốt tre BASOPENFLAT-180 (100 x 180 cm)	Cái	60	9,6	Gemalink
Đức	Bộ 3 rương lục bình, màu nâu, kích thước thùng (72 x 45 x 47) cm	Bộ	80	41,7	Gemalink
	Ghế tre có nệm, size 70x70x65cm	Cái	100	37,3	Gemalink
	Bộ 3 thùng giặt lục bình, màu nâu, kích thước thùng (41 x 41 x 69) cm	Bộ	98	32,0	Gemalink
	Sọt tròn đan cói bộ 3 chiếc, D44xH43/46 cm; D40xH40/43cm; D37x H37/40 cm	Bộ	40	27,0	Cái Mép
	Giỏ bèo bộ 3 kích thước D27H26 D35H30 D43H35 cm	Bộ	304	23,6	Cảng Xanh
Anh	Hòm đan bèo bộ 3 chiếc, 84 x 44 x H45 cm; 36 x 36 x H37 cm; 36 x 36 x H37cm	Bộ	60	33,7	Lạch Huyện
	Sọt cói tròn bộ 3 chiếc, D44 x H43/46cm; D40 x H40/43 cm; D37 x H37/40 cm	Bộ	80	27,0	Lạch Huyện
	Thùng đan bèo bộ 3 chiếc có nắp, kích thước: 51 x 35.5 x H37 cm; 45.5 x 33 x H32 cm; 38 x 25.5 x 30.5cm	Bộ	360	19,3	Lạch Huyện
	Mành trúc (SUNFLOWER) kích thước: 90x200 cm	Cái	150	16,5	Cát Lái
	Đèn mây dùng trang trí KT: 35 x 35 x H 40 cm	Cái	200	12,2	Cảng Xanh
Australia	Giỏ lục bình bộ 10 mã KL2216 (58 x 40 x 65 cm)	Bộ	40	58,7	Cát Lái
	Đôn vuông lục bình, KT: 40x40x40 (cm)	Cái	40	13,7	Gemalink
Bỉ	Sọt cói bộ 13 cái, 1cái 60x28H70cm, 4cái (31x23H17cm), 4cái(28x20H15cm), 4cái(25x17H13cm	Bộ	486	41,5	Cái Mép
	Khung treo tường đan lục bình, cói; size: Dia77 H12 cm	Cái	848	14,0	Gemalink

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Braxin	Đèn tre size: 60x42x20 cm, 8 cái/ thùng	Cái	720	8,5	Tân Vũ
	Lọ sơn mài cốt tre, kích cỡ D20xH25cm	Cái	1.120	7,5	Tân Vũ
Canada	Xe đẩy đan tre kích cỡ 74x40xH94cm	Cái	60	29,0	Lạch Huyện
	Giỏ đan lục bình bộ 3 mã KL2348 (53 x 53 x 43 cm)	Bộ	90	23,5	Gemalink
	Khay tre kích thước (54x15x46.5) cm	Cái	120	14,0	Lạch Huyện
	Lọ tre kích thước (44x12x52) cm	Cái	160	11,3	Lạch Huyện
Chilê	Đĩa bèo, kích thước: D59 x H 8 cm	Cái	100	12,1	Hải An
	Giỏ bèo, kích thước: Dĩa43/47/43xH40/50 cm	Cái	100	11,2	Hải An
	Lọ cối, kích thước: D18/15/ 25 X H17/80 cm	Cái	220	9,0	Hải An
Hà Lan	Ghế sofa 2 chỗ có nệm, QC: 100x87x74cm	Cái	430	55,1	Gemalink
	Chậu bộ 2 lục bình đan, kích thước: D56/40H45/35 cm	Bộ	144	55,1	Gemalink
	Giỏ bèo lót nylon 38x38x38cm S/5	Bộ	30	23,8	Cảng Xanh
	Thang tre, kích thước: 140x57/57 cm	Cái	600	5,7	Cảng Xanh
Hong Kông	Ghế Nantucket 84" khung mây, ván Plywood, giấy dùng đan ghế (2215 x 995x 840mm)	Cái	9	295,5	Cái Mép
	Thùng lục bình L61 W33 H61cm	Cái	496	20,4	Cái Mép
Italia	Chậu tre trắng xi măng hình tròn bộ 2 - KT 50.0x50.0x60.0H/ 37.0x37.0x44.0H(cm)	Bộ	120	44,5	Cát Lái
	Đôn bèo tây, kích cỡ D49xH29 cm	Cái	170	14,6	Lạch Huyện
	Giỏ cối (bộ 3), kích cỡ 43x31xH27cm; 37x28xH24cm; 33x24xH23 cm	Bộ	300	13,6	Lạch Huyện
	Kệ có 3 khung tre ép, kích thước 82x41.5x24 cm	Cái	210	11,8	Hải Phòng
Mỹ	Bàn cốt tre, khảm trai. Kích thước: Dĩa 91 x H 44.5cm	Cái	86	127,3	Lạch Huyện
	Giỏ đan lục bình bộ 10 mã KL1226A (58 x 40 x 65 cm)	Bộ	464	58,7	Transimex
	Bộ 7 rương sọt chữ nhật trang trí, đan lục bình, KT: 74x57x34cm	Bộ	120	53,2	Gemalink
	Ghế đan mây, quy cách: (42.13*20.1*9.84)"	Cái	228	53,0	Cái Mép
	Kệ tre BC-001, quy cách 157 x 36 x 158H cm	Cái	100	38,0	Cái Mép
	Chao đèn tre, kích thước 81x71xH12cm	Cái	296	35,0	Lạch Huyện
	Thùng cối tròn bộ 2 chiếc D42xH43/56cm, D36xH32/46cm	Bộ	260	32,9	Cái Mép
	Xe đẩy đan tre, kích thước 74x40xH94cm	Cái	200	29,4	Lạch Huyện
	Bộ 3 sọt mây, KT: 38x38x28cm	Bộ	70	25,4	Gemalink
Nam Phi	Giỏ cối DB21121404/2-L , KT: 51cm x 38cm x 51cm	Cái	450	8,0	Cảng Xanh
	Khay sơn mài cốt tre TO20101-43, KT: 43cm x 18cm x 3cm	Cái	1.400	7,5	Cảng Xanh
	Hộp cối KT 29cm x 19cm x 12cm	Cái	300	6,2	Tân Vũ
Nhật Bản	Giỏ mây tròn D34x H27cm	Cái	180	12,7	Cảng Xanh
	Khay mây: 36x35xH24 cm	Cái	76	12,6	Cảng Xanh
Pháp	Chao đèn mây, kích cỡ D80xH61cm	Cái	100	26,6	Lạch Huyện
	Đĩa bèo treo tường, kích thước: Total Size 93 x 54 cm	Cái	500	22,6	Cảng Xanh
	Quạt trang trí treo tường sơn mài cốt tre, kích cỡ 30x12 cm	Cái	144	15,3	Tân Vũ
	Kệ treo tường mây, kích thước 100x14x30cm	Cái	200	15,1	Cảng Xanh
	Giỏ cối, kích cỡ D40xH60cm	Cái	300	14,0	Tân Vũ
Phần Lan	Bộ bàn ghế sofa tre (1 bộ bao gồm: 1 bàn tre QC: 110x60x40 cm, 2 ghế sofa tre QC: 70x69x82 cm, 1 ghế băng sofa tre QC: 150x69x82 cm)	Bộ	70	228,9	Cái Mép
	Bộ 3 rương chữ nhật có nắp, khung sắt, đan lục bình.31x25x23cm; 36x29x26cm	Bộ	120	14,9	Cát Lái
Singapore	6 Bộ 2 khay lục bình, cỡ lớn 27*6cm, cỡ nhỏ 23*5cm	Bộ	113	18,0	Cảng Xanh
	6 Gương mây 25*28*40cm	Bộ	38	18,0	Cảng Xanh
	6 Lọ cắm hoa lục bình 20*32cm	Bộ	76	18,0	Cảng Xanh
Tây Ban Nha	Bàn tre BTABLE250 (250x100xH75 cm)	Cái	15	130,0	Cát Lái
	Ghế tre BDACHAIR (52x48xH85 cm)	Cái	191	35,0	Cát Lái
	Giỏ mây chữ nhật L60 x W40 x H40 cm	Cái	400	28,2	Tân Vũ
	Kệ 4 tầng tre ép, kích thước 41x25x85.5 cm	Cái	344	22,0	Hải Phòng
	Giỏ mây treo tường L60 x W23 x H66 cm	Cái	170	18,5	Tân Vũ
Thụy Điển	Giỏ bèo tây: TTW57x38cm	Cái	2.160	11,0	Cảng Xanh
	Khay bèo tây: TTW57x38cm	Cái	432	11,0	Cảng Xanh
	Ghế đôn bèo tròn D20x H30 cm	Cái	792	10,2	Lạch Huyện

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Suy thoái ngành gỗ giảm bớt ở các nước sản xuất

Theo Báo cáo GTI do ITTO hỗ trợ theo dõi ngành gỗ ở 7 quốc gia thí điểm, bao gồm Trung Quốc (nước tiêu thụ gỗ nhiệt đới chiếm ưu thế) và 6 quốc gia sản xuất gỗ nhiệt đới lớn như Braxin, Congo, Gabon, Indonesia, Malaysia và Mexico. GTI của 6 quốc gia sản xuất đều ở dưới ngưỡng 50% trong tháng 11/2023, cho thấy sự sụt giảm của ngành, nhưng trị giá của tất cả các quốc gia này đều tăng so với tháng trước, cho thấy xu hướng giảm của ngành gỗ ở 6 quốc gia đã dịu đi. Sự thay đổi lớn nhất là ở Malaysia, với chỉ số đạt tăng 9,9 điểm phần trăm, tiếp theo là Mexico tăng 5,9 điểm phần trăm và Gabon tăng 4,6 điểm phần trăm.

Tháng 11/2023 thường là mùa cao điểm của thị trường gỗ Trung Quốc, cả cung và cầu thị trường trong nước đều tăng so với tháng 10/2023

Các doanh nghiệp tham gia GTI cũng cung cấp thông tin cập nhật về ngành gỗ ở nước họ. Ví dụ, các doanh nghiệp Braxin cho biết mưa đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải. Đối với một số doanh nghiệp, điều này có nghĩa là không giao hàng đúng hạn cho khách hàng; mặt khác, nguồn cung gỗ tròn giảm do gián đoạn đã làm tăng nhu cầu về gỗ tròn. Các doanh nghiệp Gabon và Indonesia cho rằng giá dầu nhiên liệu (ví dụ dầu diesel) cao đã làm tăng chi phí sản xuất. Một số doanh nghiệp ở Mexico cho biết sản xuất bị đình trệ do năng lực vận chuyển không đủ và do đó việc vận chuyển gỗ từ rừng đến xưởng cưa chậm. Các doanh nghiệp Indonesia lưu ý rằng, mặc dù giá gỗ tròn thấp nhưng yêu cầu của người mua đối với sản phẩm vẫn rất khắt khe (siêu chất lượng và được Hội đồng quản lý rừng chứng nhận); một số doanh nghiệp kêu gọi ưu đãi cho gỗ và sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ rừng hợp pháp hoặc được quản lý bền vững.

Dự định tăng thuế nhập khẩu của Canada đối với đồ nội thất có thể khiến giá tăng mạnh

Theo nguồn Wood365.cn, Hiệp hội Công nghiệp Nội thất Canada dự định áp dụng đợt thuế nhập khẩu mới đối với đồ nội thất từ Trung Quốc và Việt Nam, các nhà sản xuất nội thất Canada bày tỏ lo ngại vì giá đồ nội thất có thể tăng mạnh trở lại.

Theo nhà thiết kế người Canada, một khi các mức thuế mới được thực thi, có nghĩa là người tiêu dùng Canada sẽ không có những lựa chọn như trước, bởi giá đồ nội thất đắt gấp ba đến bốn lần so với trước đây, do đó thị trường đồ nội thất sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

2 năm trước, Canada đã áp đặt mức thuế lên tới 295% đối với một số đồ nội thất và ghế tựa nhập khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam, điều này quen thuộc với nhiều nhà bán lẻ.

Mức thuế mới được áp dụng sau khi Liên minh Nội thất Gia đình Canada (CHFA) nhận được khiếu nại rằng đồ nội thất nhập khẩu đang bị bán phá giá, trợ cấp và bán với giá thấp hơn nhiều so với giá thị trường, khiến các nhà sản xuất Canada khó cạnh tranh. Hiện tại, hiệp hội đã nhờ đến các cơ quan liên quan của Canada để nộp đơn điều tra và áp dụng mức thuế mới.

Rod Riou, đồng sở hữu thương hiệu nội thất Arcadia Modern Home, lo ngại mức thuế mới có thể sớm có hiệu lực. "Hai năm trước, họ chỉ hướng đến các sản phẩm như ghế sofa da. Bây giờ có vẻ như họ đang mở rộng sang tất cả các sản phẩm bọc đệm. Đây là một vấn đề nghiêm trọng".

Theo một chủ sở hữu khác của Arcadia Modern Home, các cửa hàng của họ có thể sẽ đóng cửa sau khi áp dụng mức thuế mới. "Là một doanh nghiệp nhỏ, thì đây là một khó khăn lớn. Doanh nghiệp khai trương trong thời kỳ đại dịch Covid-19, đó là

khoảng thời gian rất khó khăn và đợt thuế quan đầu tiên đã có tác động rất lớn đến doanh nghiệp". "Doanh nghiệp đã phải từ chối những khách hàng đến mua sản phẩm nội thất giá rẻ vì sản phẩm nhập khẩu rất đắt. Đối với một doanh nghiệp nhỏ mới thành lập, việc từ chối khách hàng là một cảm giác không tốt."

Arcadia đã ký một bản kiến nghị phản đối đợt thuế quan mới và viết thư cho các nghị sĩ địa phương để bày tỏ mối quan ngại của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện tại, các cơ quan hữu quan trong nước vẫn chưa công bố mức độ áp dụng các mức thuế mới và cũng chưa rõ liệu mức thuế quan thực sự được thực hiện hay không và khi nào sẽ được thực hiện.

Rob Robertson là chủ một cửa hàng nội thất ở British Columbia, Canada. 2 năm trước, cửa hàng bắt đầu nhận được hóa đơn trị giá 60.000 đô la Canada sau khi chính phủ Canada áp thuế lên tới 295% đối với đồ nội thất bằng da và ghế tựa nhập khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam. Khi biết về mức thuế, hai container đã chứa đầy đơn đặt hàng của khách hàng. "Việc này nằm trong khả năng chịu đựng của doanh nghiệp nhưng vẫn còn khó khăn". Hiện tại, nếu mức thuế mới được áp dụng, sẽ buộc phải tăng giá đồ nội thất. Theo chủ cửa hàng, các doanh nghiệp không đủ khả năng chi trả nhiều như vậy. Tỷ suất lợi nhuận trong ngành nội thất rất nhỏ". Khoảng 40% đồ nội thất của cửa hàng được nhập khẩu từ Trung Quốc và xuất khẩu sang Phần Lan. Các sản phẩm còn lại được sản xuất tại Canada. Các sản phẩm nhập khẩu có xu hướng có chi phí thấp hơn và có thể đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng theo đuổi giá rẻ, đồng thời các nhà máy nước ngoài có thể sản xuất ra nhiều "thiết kế độc đáo" hơn mà ở Canada không có.

Ngoài ra, các nhà bán lẻ lớn như Structube có trụ sở tại Montreal, có 75 cửa hàng ở Canada, cũng rất lo lắng về mức thuế mới. Theo chủ tịch Structube "Người Canada ít nhất phải có quyền mua một món đồ gia dụng cơ bản như ghế sofa với mức giá hợp lý". Khi tìm nguồn cung ứng sản phẩm, so với các nhà sản xuất tại Trung Quốc và Việt Nam, các nhà sản xuất Canada chỉ có thể sản xuất một lượng rất nhỏ sản phẩm cùng loại, còn sản phẩm sản xuất ở nước ngoài thực sự phù hợp với phong cách thương hiệu của công ty. Do đó, các mức thuế mới được áp dụng, liệu có đạt được mục đích bảo vệ ngành sản xuất của Canada hay chỉ nhằm mục đích đánh thuế các công ty Canada.

Tháng 9/2021, Tòa án Thương mại Quốc tế Canada ra phán quyết các sản phẩm nội thất xuất khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam sang thị trường Canada đã bị bán phá giá và trợ cấp một cách bất công, động thái này "gây tổn hại cho ngành công nghiệp Canada" và từng áp đặt mức thuế lên tới 295%. Động thái này khiến giá nội thất trong nước tăng cao, chỉ số giá nội địa phá kỷ lục gần 20 năm, thậm chí một số nhà nhập khẩu còn phải tăng giá 6 lần/năm.

THAM KHẢO

Bộ Công Thương phê duyệt Danh sách "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" năm 2022

Thực hiện Văn bản số 3028/BCT-XNK ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan hữu quan lựa chọn, tổng hợp và đăng tải Danh sách sơ tuyển "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" năm 2022 trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương để tham khảo ý kiến công luận.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín được tổng hợp và công bố trên cơ sở xét chọn và đề xuất của các cơ quan hữu quan, được xét chọn trên cơ sở các tiêu chí do Bộ Công Thương quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế, lĩnh vực môi trường, v.v... Đây là một hoạt động hết sức cần thiết nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng thị trường, đặc biệt là khi Việt Nam đã tham gia vào một loạt các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Sau một thời gian đăng tải Danh sách sơ tuyển, tiếp thu các ý kiến phản hồi, ngày 14 tháng 12 năm 2023, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3235/QĐ-BCT phê duyệt Danh sách "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" năm 2022. Trên cơ sở đề xuất của 54 cơ quan, tổ chức xét chọn (bao gồm các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố), Bộ Công Thương đã xét chọn được 274 doanh nghiệp (tương đương với 278 lượt doanh nghiệp theo 25 ngành hàng). Hiện nay, Quyết định số 3235/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Danh sách chính thức "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" năm 2022 đang được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương (www.moit.gov.vn) và trang thông tin điện tử của một số cơ quan hữu quan.

Bộ Công Thương hy vọng các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực, phát huy thành tích trong thời gian tới để khẳng định vị trí của mình trong cộng đồng doanh nghiệp thế giới.

Bộ Công Thương thông báo để các Bộ, ngành, Sở Công Thương địa phương, Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp biết.

DANH SÁCH "DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU UY TÍN" NĂM 2022 (Dưới đây là danh sách doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ và TCMN)

TT	Tên Doanh nghiệp	KNXK	Đơn vị xét chọn
SẢN PHẨM GỖ (5 doanh nghiệp)			
1	Công ty TNHH Great Veca Việt Nam	73.141.085	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai
2	Công ty CP Đầu tư quốc tế và Xuất nhập khẩu DHT	60.412.090	Sở Công Thương Thành phố Hà Nội
3	Công ty TNHH Phát Triển	33.378.727	Sở Công Thương tỉnh Bình Dương
4	Công ty TNHH MTV Rapexco - Đại Nam	29.538.639	Sở Công Thương tỉnh Khánh Hoà
5	Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Long Đạt	29.480.689	Sở Công Thương Thành phố Hà Nội
THỦ CÔNG MỸ NGHỆ (4 doanh nghiệp)			
1	Công ty TNHH Phước Dũ Long	9.830.645	Sở Công Thương tỉnh Bình Dương
2	Công ty TNHH Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Duy Thành	7.278.702	Sở Công Thương TP Đà Nẵng
3	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu hàng mỹ nghệ Minh Khang	6.014.042	Sở Công Thương TP Đà Nẵng
4	Hợp tác xã Quang Minh	5.497.319	Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **46/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 18 tháng 8 năm 2023

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**